

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



**DNURENCO**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  

---

2021**



# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung	06
Quá trình phát triển	08
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	14
Định hướng phát triển	16
Các yếu tố rủi ro	18

## CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	33
Tình hình tài chính	34
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	42

## CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	46
Tình hình tài chính	48
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	51
Kế hoạch phát triển trong tương lai	52
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	54
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	54

## CHƯƠNG IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	58
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	59
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	60

## CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	64
Ban kiểm soát	68
Các giao dịch, thù lao, lương thưởng	74

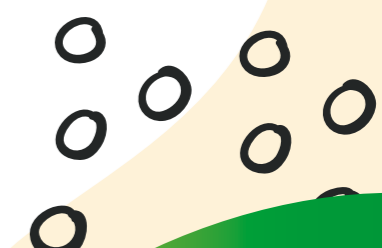
## CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021



- Thông tin chung
- Quá trình phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro

## TỔNG QUAN CÔNG TY





<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
<b>Tên tiếng Anh</b>	DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/12/2018
<b>Vốn điều lệ</b>	57.736.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	57.736.000.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
<b>Số điện thoại</b>	(0236) 3622 007
<b>Số fax</b>	(0236) 3642 423
<b>Website</b>	<a href="http://www.moitruongdothidanang.com.vn">www.moitruongdothidanang.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	DNE

Năm	Sự kiện
1975	Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ.
1985	Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
1992	03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.
1993	Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
1997	Do chia tách tỉnh, Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính TP. Đà Nẵng.
2008	Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.
2010	Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/05/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010.

Năm	Sự kiện
2015	Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015.
2016	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.
2017	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/cổ phiếu.
2018	Ngày 05/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 13.200 cổ phiếu DNE của 22 cổ đông theo đề nghị của Công ty tại công văn số 786/MTĐT-TCHC ngày 30/11/2018; Doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 12/12/2018.
2019	Ngày 15/11/2019, hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (DNurenco) để đầu tư hệ thống thiết bị xử lý đốt với công suất 600 kg/giờ (chia làm hai giai đoạn, mỗi giai đoạn 300 kg/giờ).
2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã tăng 3,43 lần so với năm 2015 khi Công ty vừa mới Cổ phần hóa.
2021	Tiếp tục tận dụng bề dày lịch sử hơn 45 năm phát triển của Công ty và sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng đảm bảo chất lượng dịch vụ của mình.



## CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Năm	Nội dung
2001	<ul style="list-style-type: none"> <li>18/01: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000” Quyết định số 232/QĐ-BGTVT.</li> <li>25/04: Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ.</li> <li>28/05: Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN.</li> <li>27/12: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001” Quyết định số 8334/QĐ-UB.</li> </ul>
2002	<ul style="list-style-type: none"> <li>04/01: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU.</li> <li>15/01: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001” Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.</li> </ul>
2003	<ul style="list-style-type: none"> <li>15/01: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ.</li> <li>13/02: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.</li> </ul>
2004	<ul style="list-style-type: none"> <li>02/03: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003” Quyết định số 1518/QĐ-UB.</li> <li>20/07: Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐLĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/07/1929 - 28/07/2004).</li> <li>27/11: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003” Quyết định số 581/QĐ-UB.</li> </ul>
2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>05/01: Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số: 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005.</li> <li>31/03: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006” theo Quyết định số 1518/QĐ-UB.</li> <li>11/05: Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.</li> </ul>

Năm	Nội dung
2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>12/01: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận ủy Hải Châu.</li> </ul>
2008	<ul style="list-style-type: none"> <li>07/01: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số:1107-QĐ/QU.</li> <li>20/03: Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007” theo Quyết định số 2436/ QĐ-UB.</li> </ul>
2009	<ul style="list-style-type: none"> <li>30/03: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008” theo Quyết định số 2360/QĐ-UB; Ngày 28/05/2009, Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng “Cờ thi đua Chính phủ năm 2008” Quyết định số 684/QĐ-TTg.</li> <li>22/12: Đảng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số: 2575 -QĐ/QU.</li> </ul>
2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>22/01: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB.</li> <li>14/04: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐUB.</li> <li>31/08: Chủ tịch nước tặng thưởng “ Huân chương Độc lập hạng ba ” quyết định số 1460/QĐ/CTN.</li> </ul>
2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>20/11: Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức và phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC Việt Nam 2017 tại TP Đà Nẵng.</li> <li>22/12: Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2017.</li> </ul>
2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>23/12: Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2021.</li> <li>12/04/2022: Bằng khen của Thủ tướng chính phủ cho tập thể có thành tích xuất sắc và nhiều đóng góp trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</li> </ul>



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3811 (Chính)
2	Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3812
3	Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải.	3830
4	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường.	4520
5	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3821
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3822
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải.	4669

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
8	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển.	3900
9	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.	3700
10	Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu.	7490
11	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	4220
12	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển.	8129
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.	7490
14	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.	4661

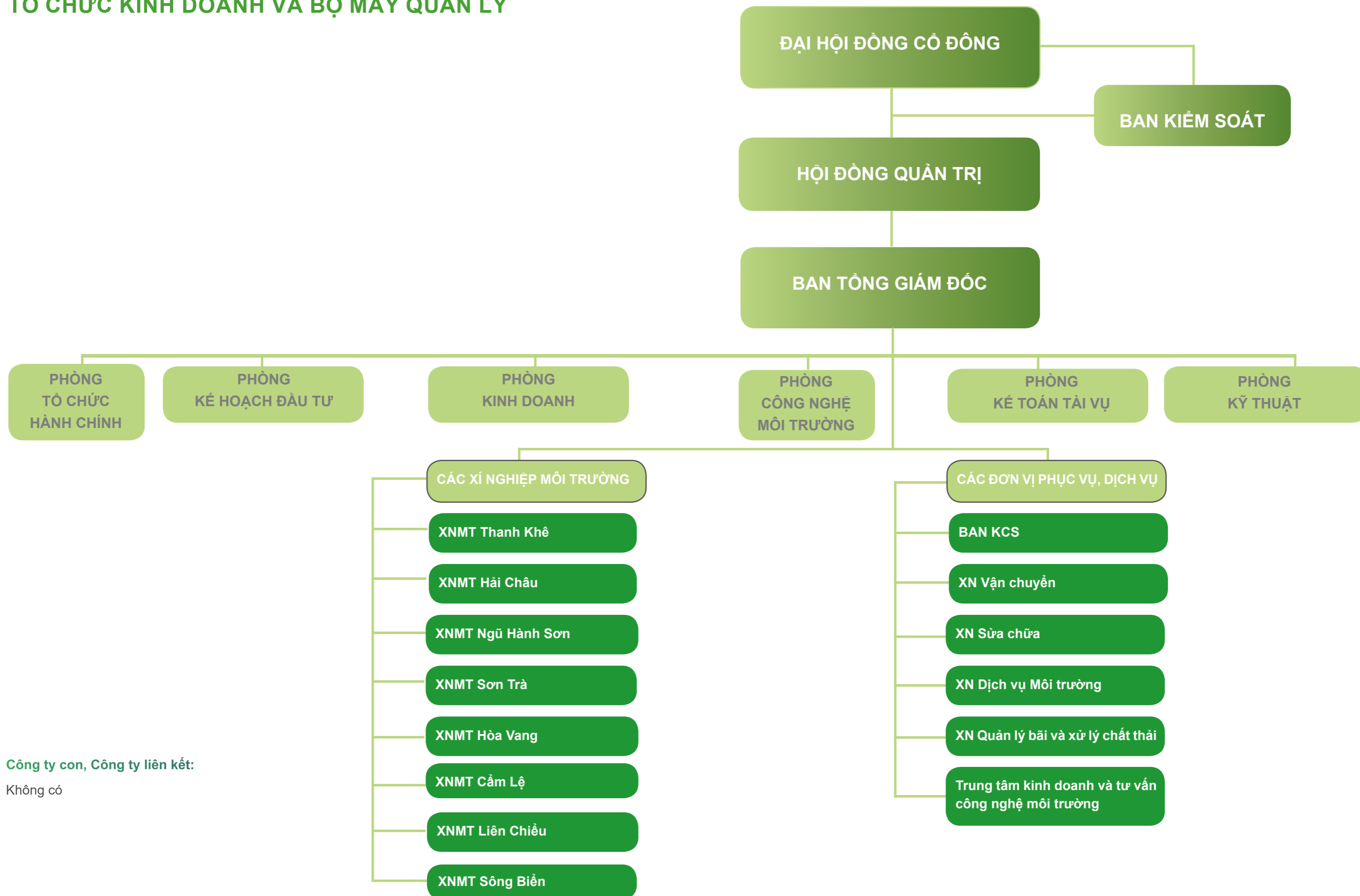
## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các tuyến đường, công viên, khu dân cư, khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng. Đà Nẵng là một thành phố có tốc độ phát triển nhanh, năng động, nhất là phát triển về du lịch, do đó nhu cầu bảo vệ và gìn giữ vệ sinh môi trường là rất lớn. Đây sẽ là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.





**THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**

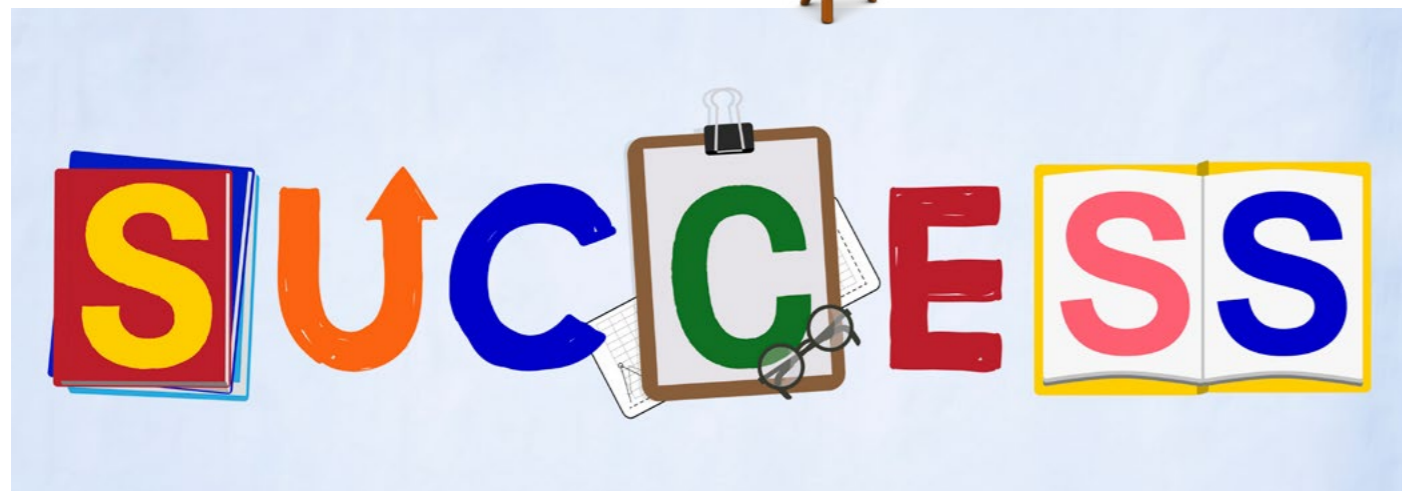


Công ty con, Công ty liên kết:  
Không có





## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



### Về hoạt động:

- Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các trang thiết bị cũng như hiệu quả thu gom và tái chế rác thải của Công ty.
- Tiếp tục thi công, xây dựng và cung cấp các trang thiết bị, hệ thống xử lý và tiêu hủy chất thải cho khách hàng.
- Duy trì và đảm bảo an ninh môi trường ở các địa bàn mà Công ty đảm nhận quản lý vận hành.
- Ngăn ngừa tối đa các sự cố môi trường có thể xảy ra, tránh ảnh hưởng đến các khu vực dân cư.
- Triển khai đầu tư các xây dựng các Khu xử lý chất thải nguy hại mới nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

### Về lợi nhuận:

- Đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.
- Phấn đấu để doanh thu loại hình dịch vụ các năm tiếp theo chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu toàn Công ty.
- Phấn đấu lợi nhuận hằng năm chi trả cổ tức đạt tối thiểu 8%/năm.
- Đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 đạt 300 tỷ đồng.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Tận dụng ưu thế khi được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, từ đó đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ đạo đồng thời vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

Giữ vững thị trường đang ổn định ở địa bàn thành phố Đà Nẵng và nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận, rộng hơn là trên toàn quốc, trong đó tập trung vào mảng thu gom chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan tới môi trường.

Có kế hoạch đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ cho phương tiện vận tải, đầu tư tin học hóa trong công tác quản lý, thu gom và vận chuyển rác thải.

## CÁC MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty xác định, để có thể phát triển bền vững, lâu dài, Công ty cần có những sự cố gắng hơn nữa trong công tác giữ gìn môi trường đô thị xanh sạch đẹp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người dân về cảnh quan môi trường đô thị. Bên cạnh đó, Công ty hướng đến việc cải tiến phương tiện, máy móc, trang thiết bị để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được diễn ra linh hoạt, chuyên nghiệp, không để tình trạng ùn ứ rác thải trong địa bàn, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân địa phương.





### Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 2,58% so với năm 2020. Tuy có tăng trưởng nhưng đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Nguyên nhân đến từ ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19 tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Hơn nữa, quý III/2021, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Đà Nẵng là địa bàn hoạt động của Công ty cũng không nằm ngoài ảnh hưởng này. Sự biến động của nền kinh tế chung trong bối cảnh dịch bệnh ảnh hưởng đến công ty khi các biện pháp giãn cách xã hội gây khó khăn cho quá trình người lao động thực hiện việc thu gom xử lý rác thải.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn chủ động theo dõi, đánh giá tình hình dịch bệnh để có các phương án đối phó kịp thời, hạn chế các tác động tiêu cực và đảm bảo thực hiện mục tiêu kinh doanh của mình.

### Rủi ro pháp luật

Tất cả doanh nghiệp đang hoạt động đều chịu sự ảnh hưởng của các rủi ro về pháp lý. Riêng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chịu sự tác động của bộ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, đặc biệt là Luật Tài nguyên và Bảo vệ môi trường. Các văn bản quy định, quy chế còn chưa hoàn thiện và đang trong quá trình sửa chữa, bổ sung. Điều đó gây nên khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng, tuân thủ các quy định vào hoạt động thực tế của Công ty.

Doanh nghiệp đang liên tục tìm hiểu, nghiên cứu, theo dõi các sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp lý để kịp thời thay đổi chiến lược của mình cho phù hợp. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đang từng bước cải thiện hệ thống pháp luật, tinh gọn các quy trình và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, điều này cũng góp phần giảm rủi ro pháp luật cho Công ty.

### Rủi ro thời tiết

Khu vực miền Trung Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng là nơi hằng năm phải hứng chịu sự tàn phá của nhiều cơn bão lớn. Song song với đó, lũ lụt cũng khiến thành phố Đà Nẵng chịu ảnh hưởng trực tiếp do đặc thù vị trí địa lý nơi đây. Tháng 9/2021, bão số 5 (bão Conson) đã gây mưa cực lớn và trên diện rộng ở khu vực Quảng Trị - Quảng Nam, Đà Nẵng. Các sự thay đổi về thời tiết này có thể ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Hoạt động thu gom và tái chế rác thải trở nên khó khăn khi tình hình thời tiết không thuận lợi diễn ra như mưa gió, bão lũ.

Công ty đã đề phòng bằng cách theo dõi thường xuyên diễn biến lũ lụt, mưa bão để chủ động bảo vệ người và tài sản. Công ty cũng đã có những phương án dự phòng, chủ động thích nghi, nâng cao khả năng ứng phó, giảm thiểu rủi ro thiên tai.

### Rủi ro về chi phí

Tính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Công ty là một trong những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ môi trường như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, ... Đây được xem như một ngành đặc thù khi giá đầu ra dịch vụ do Nhà nước quyết định. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu đầu vào cùng với chi phí nhân công có xu hướng ngày càng tăng. Điều này đã gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Công ty đã đề ra các phương án, kế hoạch phù hợp để theo dõi biến động giá cả trên thị trường. Ngoài ra, Công ty đã đa dạng hóa các dịch vụ của mình nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro giá cả.

### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến đó là: thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu các thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng Công ty đã có những phương án dự phòng như: lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, lên các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

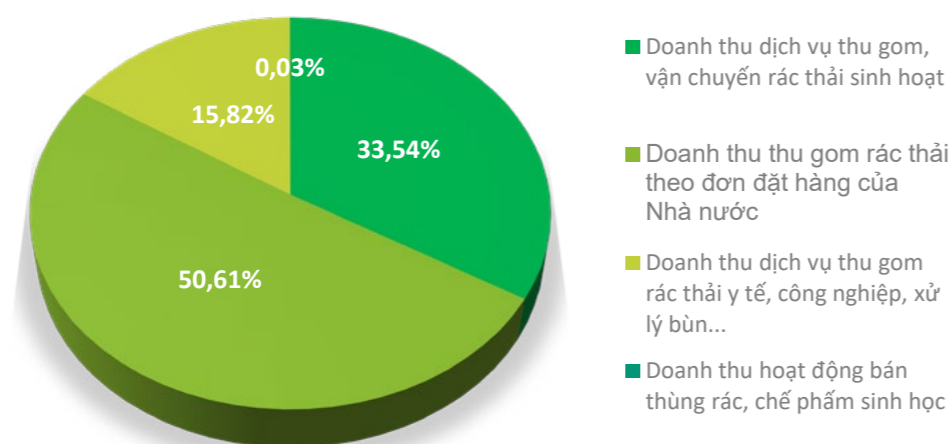




ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2020	TH2021	TH2021/ TH2020
1	Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	95.595.151.891	85.389.683.649	89,32%
2	Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	123.579.439.321	128.849.301.546	104,26%
3	Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn...	40.237.370.710	40.269.895.746	100,08%
4	Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	187.895.455	69.818.185	37,16%
<b>Cộng</b>		<b>259.599.857.377</b>	<b>254.578.699.126</b>	<b>98,07%</b>

**CƠ CẤU DOANH THU 2021**

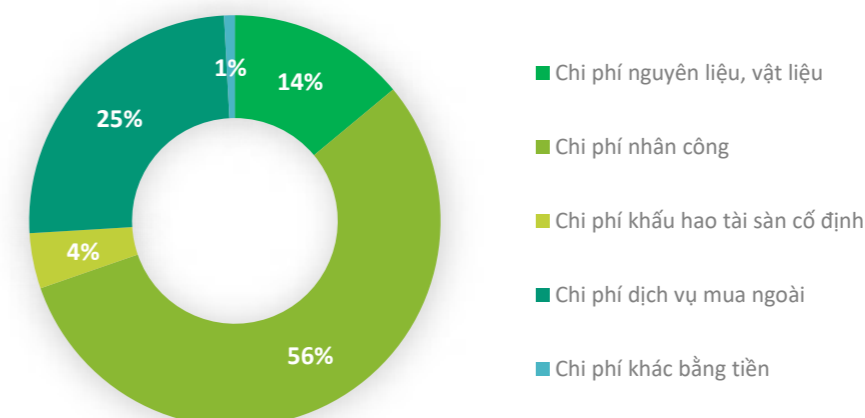


Trong năm 2021, cơ cấu doanh thu của Công ty thay đổi không đáng kể so với năm 2020. Nguồn thu chủ yếu vẫn đến từ các dịch vụ công ích về môi trường. So với năm 2020, tổng doanh thu năm 2021 giảm nhẹ, gần 1,93%, từ 259,60 tỷ đồng năm trước xuống còn 254,58 tỷ đồng năm nay. Doanh thu đến từ các hợp đồng đặt hàng với Nhà nước ghi nhận tăng 4,26%, từ 123,58 tỷ đồng năm trước lên 128,85 tỷ đồng năm nay. Doanh thu từ hoạt động thu gom rác thải y tế, công nghiệp... thì tương đương với năm trước. Bên cạnh đó, các doanh thu về thu gom rác thải sinh hoạt ghi nhận giảm trong năm nay, từ 95,60 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 85,39 tỷ đồng năm nay, tương ứng giảm 10,68%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp và lan rộng trong năm 2021. Nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài và thành phố Đà Nẵng cũng không ngoại lệ. Điều này tác động lớn đến sinh hoạt bình thường của người dân, và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2020	TH2021
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.882.973.692	33.975.521.959
2	Chi phí nhân công	138.116.011.537	135.500.086.210
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.988.141.295	10.602.184.083
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.313.695.056	61.057.850.764
5	Chi phí khác bằng tiền	3.879.651.938	2.058.021.611
<b>Cộng</b>		<b>247.180.473.518</b>	<b>243.193.664.627</b>

**PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO YẾU TỐ 2021**





**DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH**

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	985.412	17,068%
2	Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	3.500	0,061%
4	Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	3.300	0,057%
5	Diệp Nguyễn Thế Quang	Phụ trách Kế toán	2.900	0,05%



**ÔNG VÕ MINH ĐỨC**  
**Tổng Giám đốc**

**Ngày sinh:** 14/06/1972

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Địa chỉ:** 206 Trưng Nữ Vương, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

- 09/1995 - 04/2002: Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 05/2002 - 04/2005: Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 05/2005 - 07/2005: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 08/2005 - 12/2005: Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 01/2006 - 06/2006: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê
- 07/2006 - 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê
- 07/2011 - 09/2015: Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/2015 - 11/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 12/2018 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng: 981.512 cổ phần (17,000% VDL)
- Cá nhân sở hữu: 3.900 cổ phần (0,068% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



## DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### BÀ VÕ THỊ HUỲNH TRANG Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 02/08/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ

**Địa chỉ:** 18/51 Ông Ích Khiêm, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 1998 - 2001: Phó Văn phòng hướng dẫn tham quan du lịch Hội An
- 2002 - 2003: Nhân viên kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 2004 - 2005: Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 2006 – 07/2012: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 08/2012 - 2015: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Môi trường Việt Nam
- 10/2015 – 27/6/2019: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/07/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### ÔNG PHẠM QUANG SÁNG Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 05/10/1961

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Quản lý doanh nghiệp

**Địa chỉ:** K362/8 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 10/1978 – 12/1983: Đi bộ đội tại Huyện đội Quế Sơn. Tháng 5/1980 được điều về Ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- 10/1984 – 05/1989: Chuyên viên phòng Tổ chức Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng
- 05/1989 - 10/2007: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hữu Nghị Đà Nẵng
- 10/2007 – 03/2008: Phó trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 04/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 09/2009 - 01/2016: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 01/2016 - 12/2018: Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/12/2018 – 14/06/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 12/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện: 0 cổ phần (0% VDL)
- Cá nhân sở hữu: 3.500 cổ phần (0,061% VDL)

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Ông Phạm Phúc Ánh (Anh ruột): 6,600 cổ phần (0,114% VDL)



**DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH**

**BÀ HOÀNG THỊ NGỌC HIẾU**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 19/12/1979

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Sinh thái học

**Địa chỉ:** 38 Phạm Nhữ Tăng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

- 01/2002 - 09/2007: Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/2007 - 06/2008: Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công ty
- 07/2008 - 10/2010: Phó trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty
- 11/2010 - 06/2012: Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 07/2012 - 03/2015: Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường
- 12/2015 - nay: Trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 06/2021 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng: 981.512 cổ phần (17,000% VDL)

- Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần (0,057% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

**ÔNG DIỆP NGUYỄN THẾ QUANG**  
Phụ trách Kế toán

**Ngày sinh:** 05/10/1961

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngành Kế toán

**Địa chỉ:** K112/3 Đường Phạm Nhữ Tăng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

- 01/04/2003 - 30/09/2005: Kế toán viên Nhà phân phối Công ty TNHH Happy Cook tại Đà Nẵng
- 01/10/2005 - 15/07/2009: Kế toán Xí nghiệp Môi trường Sông Biển Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 16/07/2009 - 30/11/2019: Nhân viên kế toán Phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 01/12/2019 - 10/06/2021: Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 11/06/2021 - nay: Phụ trách phòng Kế toán Tài vụ, Phụ trách Kế toán CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

2.900 cổ phần (0,050% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>1.284</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên đại học	6	0,47%
2	Đại học	161	12,54%
3	Cao đẳng	41	3,19%
4	Trung cấp	1.076	83,80%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>1.284</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	236	18,38%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1048	81,62%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1.284</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	702	54,67%
2	Nữ	582	45,33%



**THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động	Người	1.272	1.301	1.299	1.284
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	6,5	7,2	7,5	6,8

Qua các năm, DNE luôn duy trì mức thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên. Năm qua, ảnh hưởng của dịch Covid - 19 cùng với tình trạng giãn cách xã hội kéo dài, dẫn đến thu nhập của cán bộ công nhân viên có sự giảm nhẹ so với năm trước. Tuy vậy, trong năm, Công ty vẫn có những hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên gặp khó khăn vì ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19.







## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



### Về đào tạo

Công tác đào tạo nhân viên mới được công ty chuẩn bị chu đáo và bài bản. Chương trình đào tạo nội bộ được tổ chức định kỳ để cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ của nhân viên công ty. Ngoài ra, các cán bộ chủ chốt được cử đi tham dự các khóa đào tạo về quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính. Chủ trương của công ty là đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV. Các buổi hội thảo, trò chuyện được các phòng ban tổ chức định kỳ nhằm trao đổi kinh nghiệm làm việc, giải quyết những khó khăn nhân viên gặp phải trong hoạt động chuyên môn.

### Về tuyển dụng

Công ty ưu tiên tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, yêu thích, chủ động và phù hợp với vị trí tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thông báo công khai và luôn đảm bảo tính công bằng, bình đẳng cho mọi ứng viên. Công ty tạo điều kiện cho tất cả cán bộ nhân viên làm việc một cách hiệu quả nhất, phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với công ty.

### Môi trường công việc

Văn phòng, môi trường làm việc được công ty chú trọng, trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ cần thiết phục vụ cho công việc. Lãnh đạo công ty luôn sâu sát, khích lệ nhân viên hoàn thành công việc đúng tiến độ, mang lại hiệu quả cao. Người lao động làm việc bên ngoài công ty, trực tiếp thu gom rác thải sẽ được Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty đảm bảo trả lương đúng, đủ và đảm bảo mức lương tối thiểu vùng, ngoài ra, chính sách khen thưởng thêm được thực hiện định kỳ đối với toàn cán bộ công nhân viên và thưởng đột xuất đối với cá nhân, phòng ban có thành tích tốt vượt bậc. Ngoài thưởng đột xuất, công ty còn tiến hành biểu dương đóng góp của người lao động đối với cá nhân có sáng kiến mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những chính sách này nhằm khuyến khích và động viên, cải thiện tinh thần làm việc của người lao động.

Hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được công ty cam kết chi trả đúng theo quy định. Công ty chăm lo cho sức khỏe của người lao động bằng cách mua bảo hiểm tai nạn lao động cho toàn bộ nhân viên, định kỳ tổ chức khám sức khỏe tổng quát. Bên cạnh đó, công ty còn cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch mỗi năm 1 lần. Công ty còn trích quỹ công đoàn để trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi khi người lao động ốm đau.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Không có





ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	<b>Tổng giá trị tài sản</b>	158.091.999.919	157.091.097.407	99,37%
2	<b>Doanh thu thuần</b>	259.599.857.377	254.578.699.126	98,07%
3	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	13.434.115.370	12.284.337.054	91,44%
4	<b>Lợi nhuận khác</b>	-222.448.409	418.818.524	-
5	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	13.852.933.894	12.061.888.645	87,07%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	12.141.437.044	10.734.306.932	88,41%
7	<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>	11%	8,5%	

Tại ngày 31/12/2021, các chỉ tiêu về tình hình tài chính nói chung và hiệu quả kinh doanh nói riêng đều giảm so với năm 2020. Doanh thu thuần giảm từ 259,60 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 254,58 tỷ đồng năm nay, tương ứng mức giảm 1,93%. Lợi nhuận sau thuế đạt 10,73 tỷ đồng, giảm 11,59% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu vẫn đến từ ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,04	1,43
Hệ số thanh toán nhanh: ( <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,03	1,40
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,40	51,28
Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	%	110,07	105,26
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho ( <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> )	Vòng	108,66	117,56
Vòng quay tổng tài sản ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )	Vòng	3,53	3,93
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,68	4,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	16,37	14,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	7,90	6,81
Hệ số từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,17	4,83



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2021, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều cho thấy sự gia tăng đáng kể so với năm 2020. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,04 năm trước lên 1,43 vào năm nay. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng đáng kể từ mức 1,03 vào năm 2020 lên thành 1,40 năm nay. Nguyên nhân đến từ sự gia tăng tài sản ngắn hạn đáng kể, trong khi đó, nợ ngắn hạn lại ghi nhận giảm vào cuối năm 2021.

Đóng góp chủ yếu vào sự gia tăng tài sản ngắn hạn là các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng. Khoản mục này tăng từ 33,87 tỷ đồng cuối năm 2020 lên thành 50,08 tỷ đồng năm nay, tương ứng tăng 47,87%. Tác động từ khó khăn bởi đại dịch Covid - 19 đã khiến nhiều khách hàng của Công ty chậm thanh toán các hợp đồng trong năm, bao gồm cả Sở Tài nguyên Môi trường cũng như UBND các Quận, Huyện Thành phố Đà Nẵng.

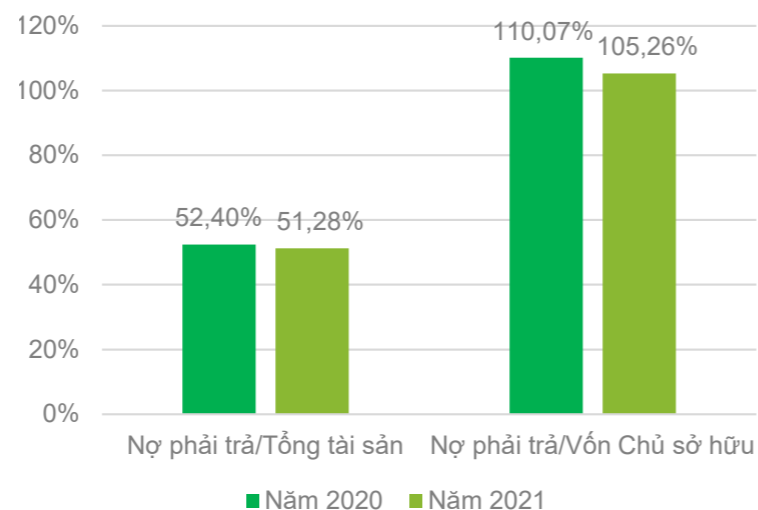
Bên cạnh đó, nợ phải trả ngắn hạn ghi nhận giảm 16,32%, từ 82,84 tỷ đồng cuối năm 2020 xuống còn 69,31 tỷ đồng năm nay. Nguyên nhân đến từ các khoản phải trả liên quan đến việc cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND TP Đà Nẵng. Trong đó, nợ ngắn hạn UBND TP Đà Nẵng giảm đến 49,87%, từ 37,51 tỷ đồng năm trước xuống còn 18,81 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng giảm gần 18,71 tỷ đồng. Tuy nhiên, một phần lớn khoản nợ này, hơn 11,24 tỷ đồng, đã được chuyển thành nợ dài hạn.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

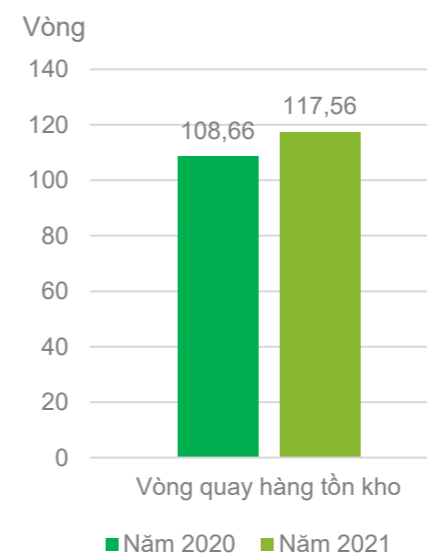
Cơ cấu vốn năm vừa không có nhiều thay đổi so với năm 2020. Trong năm, tài sản ngắn hạn ghi nhận tăng đáng kể bởi nguyên nhân đã nêu ở phần trên. Tuy nhiên, tài sản dài hạn lại giảm dẫn đến tổng tài sản cuối năm nay không quá thay đổi so với năm trước, lần lượt là 157,09 tỷ đồng và 158,09 tỷ đồng. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu đến từ sự khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định giảm từ 58,68 tỷ đồng năm trước xuống còn 48,31 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng giảm 17,68%. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu cũng gần như không có nhiều thay đổi trong năm vừa qua.

Nợ phải trả ngắn hạn ghi nhận giảm đáng kể, tuy nhiên, phần lớn khoản giảm đã được chuyển thành nợ dài hạn (khoản nợ UBND thành phố Đà Nẵng) dẫn đến tổng nợ phải trả chỉ giảm nhẹ so với năm trước, từ 82,84 tỷ đồng xuống còn 80,56 tỷ đồng.

### CƠ CẤU VỐN



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động không quá biến động trong năm nay. So với năm 2020, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 108,66 lên 117,56. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty luôn được duy trì ở mức cao, vì đặc thù kinh doanh của Công ty chủ yếu là các hoạt động cung cấp dịch vụ nên các sản phẩm tồn kho phần lớn là các dụng cụ hỗ trợ có giá trị thấp. Chiếm tỷ trọng cao trong nguồn vốn lưu động của Công ty là các khoản phải thu và hầu hết chi phí để duy trì hoạt động là tiền lương của CBCNV, phần lớn chi phí này sẽ được hạch toán vào mục giá vốn hàng bán tùy theo các loại hình cung cấp dịch vụ của Công ty. Do đó doanh thu của Công ty luôn cao hơn rất nhiều đối với giá trị hàng tồn kho.

Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 1,69 xuống còn 1,62. Cả doanh thu và tổng tài sản của Công ty năm 2021 đều ghi nhận giảm nhẹ so với năm 2020.

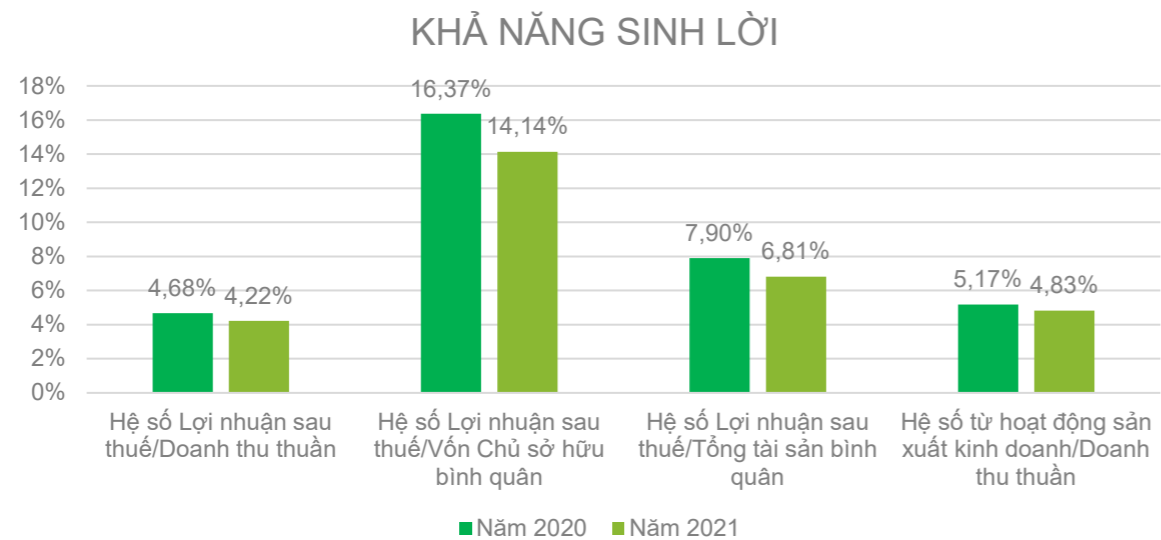




# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Với tác động của đại dịch Covid – 19, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Thành phố Đà Nẵng cũng là tâm điểm dịch trong năm vừa qua. Nhìn chung, các chỉ tiêu về Khả năng sinh lời giảm nhẹ trong năm nay.



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Tại ngày 30/07/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	1	2.944.536	51,00%
II	Cổ đông trong nước	905	2.791.164	48,34%
1	Cá nhân	903	2.018.977	34,97%
2	Tổ chức	2	772.187	13,37%
III	Cổ đông nước ngoài	3	37.900	0,66%
1	Cá nhân	2	1.600	0,03%
2	Tổ chức	1	36.300	0,63%
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>909</b>	<b>5.773.600</b>	<b>100,00%</b>

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

Tại ngày 30/07/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	UBND thành phố Đà Nẵng	2.944.536	51,00%	Cổ đông nhà nước
2	Công ty CP Môi trường Việt Nam	771.987	13,37%	
3	Nguyễn Văn Tuấn	391.406	6,78%	

**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

Không có





# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Tác động lên môi trường

Khí thải nhà kính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến biến đổi khí hậu toàn cầu. Khí thải nhà kính khiến thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt, nhiệt độ Trái Đất tăng lên và băng tan, nước biển dâng cùng lũ lụt đã đe dọa đến môi trường sống của con người. Lượng khí nhà kính chủ yếu sản sinh từ việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch, đốt rừng và hoạt động của con người làm thay đổi sự cân bằng của môi trường. Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người khi các đợt nắng nóng kéo dài hơn, các bệnh dịch và bệnh truyền nhiễm dễ bùng phát và lan truyền hơn.

- Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 0
- Sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: 0

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các trang thiết bị như vật tư thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng, vật tư thiết bị điện được sản xuất nội địa và đáp ứng tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Trong quá trình sử dụng Công ty luôn ý thức bảo quản, tránh hao phí không cần thiết xảy ra. Đối với các Công việc yêu cầu kỹ thuật cao và trang thiết bị thường xuyên bị hao mòn, Công ty luôn vận động tập thể người lao động sử dụng công cụ, thiết bị hiệu quả. Công ty còn khuyến khích cán bộ công nhân viên đóng góp các sáng kiến sửa chữa tái sử dụng, tái chế những công cụ, dụng cụ, thiết bị đã hỏng nhằm giảm thiểu phát thải ra môi trường và tiết kiệm cho Công ty.

## Khối lượng các loại rác thải công ty thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý trong năm 2021:

Các loại chất thải	Khối lượng (tấn)
Rác thải sinh hoạt	338.742
Rác thải y tế không nguy hại	4.730
Rác thải công nghiệp không nguy hại	16.923
Rác thải nguy hại	492,76
Bùn thoát nước	6.153
Bùn bể phốt	6.332

Khối lượng chế phẩm sinh học L2100CHV sử dụng giảm thiểu mùi hôi để bảo vệ môi trường trong công tác sản xuất của Công ty năm 2021: 5.057 lít

Khối lượng đất phủ dùng che phủ rác trong công tác chôn lấp chất thải tại bãi chôn lấp không nguy hại trong năm 2021: 23.627 m<sup>3</sup>

- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0 %

## Tiêu thụ năng lượng

Công ty được UBND Đà Nẵng đồng ý cho việc thực hiện việc quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, công ty luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Công ty đã thực hiện chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng qua nhiều năm với hiệu quả đạt được rất tốt. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày, Công ty luôn vận động cán bộ, người lao động có ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng. Công ty còn đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng, thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả như từng bước điều chuyển thay thế bóng đèn LED trong hệ thống chiếu sáng Thành phố, từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng chiếu sáng.

## Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện: 209.940 kw
- Dầu DO: 1.189.124 lít
- Xăng: 21.519 lít

## Tiêu thụ nước

Về tiêu thụ nước, Công ty có sử dụng nước cấp và nước ngầm để phục vụ sinh hoạt của người lao động, vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị, rửa xe vận chuyển chất thải, pha chế phẩm khử mùi, tưới rửa đường phố. Riêng lượng nước ngầm được sử dụng trong năm 2021 là 9.090 m<sup>3</sup> và nước cấp là 10.007 m<sup>3</sup>. Công tác kiểm tra lưu lượng nước cần sử dụng được thực hiện thường xuyên. Nếu phát hiện tình trạng vượt quá định mức tiêu chuẩn thì Công ty có thể tìm hiểu nguyên nhân và đề ra phương án xử lý kịp thời. Công ty luôn quan tâm đến vấn đề tiết kiệm, không lãng phí nguồn tài nguyên nước trong quá trình hoạt động của mình. Gần đây, vấn đề môi trường là chủ đề nóng được thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng rất quan tâm. Chính vì thế, Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này. Công ty định kỳ kiểm tra rò rỉ đường ống nước, thường xuyên nhắc nhở người lao động sử dụng lượng nước vừa đủ, tối ưu công suất của hoạt động tưới tiêu.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong phạm vi hoạt động của công ty, Công ty chỉ thực hiện thu gom các chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường, sau đó chuyển đến nơi tập kết của thành phố để xử lý. Quy trình này hoàn toàn đảm bảo được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Khi phát hiện những hoạt động trái pháp luật về môi trường, các cơ sở vi phạm quy định, công ty đều báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Trong năm 2021, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

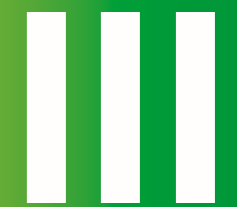
## Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định trong Luật Lao động. Công ty còn đảm bảo thực hiện phát lương đúng hạn, đúng theo năng suất làm việc và có thưởng cho các cá nhân, phòng ban đóng góp lớn vào lợi nhuận hoạt động của công ty. Công ty tạo điều kiện, môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và lý tưởng cho người lao động. Người lao động được nghỉ lễ Quốc tế Lao động, Quốc khánh theo đúng quy định của Nhà nước.



- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2021**

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/ Năm 2020
1	Doanh thu thuần	259.599.857.377	254.578.699.126	98,07%
2	Lợi nhuận trước thuế	13.852.933.894	12.061.888.645	87,07%
3	Lợi nhuận sau thuế	12.141.437.044	10.734.306.932	88,41%

Năm 2021 là một năm khó khăn đối với Công ty khi có kết quả kinh doanh có phần sụt giảm so với năm trước trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid - 19. Cụ thể hơn, doanh thu thuần đạt gần 254,58 tỷ đồng, giảm 1,93% so với cùng kì.



**NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM**



**Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, đồng thời Công ty cũng duy trì được mối quan hệ tốt với các ban ngành địa phương, điều này khiến cho quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra thuận lợi hơn.
- Thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế miền Trung, các hoạt động du lịch cũng ngày càng phát triển đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân và khách du lịch nơi đây. Các vấn đề về vệ sinh môi trường từ đó cũng được quan tâm, thu hút sự chú ý hơn.
- Công ty có đội ngũ cán bộ và người lao động giàu kinh nghiệm, luôn đoàn kết và có tinh thần trách nhiệm cao. Điều này góp phần rất lớn vào hoạt động ổn định của công ty.
- Công ty duy trì các loại hình dịch vụ như thu gom rác thải không độc hại và độc hại, cung cấp các thiết bị liên quan đến môi trường,... và mở rộng thêm lĩnh vực khác như bán thùng rác, chế phẩm sinh học,... để đa dạng thêm nguồn thu của công ty.

**Khó khăn:**

- Đại dịch Covid – 19 đã làm tăng lượng rác thải y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, khiến khối lượng công việc của người lao động công ty tăng cao. Đặc biệt, rác thải y tế cần được thu gom và xử lý theo đúng quy trình nhằm giảm thiểu rủi ro lây lan dịch bệnh, mà rác thải y tế có quy trình thu gom và xử lý đặc thù hơn. Việc đó đã gây ra khó khăn cho người lao động khi các yêu cầu về quy trình thu gom và xử lý rác thải y tế phức tạp hơn.
- Đà Nẵng đang là trung tâm kinh tế cũng như du lịch của miền Trung nên cơ sở hạ tầng, dân số cũng tăng theo đã tạo nên áp lực về chất lượng cũng như khối lượng công việc ngày càng tăng. Bên cạnh đó, ô nhiễm công nghiệp cũng là vấn đề đáng chú ý ở các đô thị lớn nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.
- Công ty phải tăng cường đầu tư phương tiện vận tải, công nghệ thông tin để giám sát hành trình của các xe vận chuyển rác, đầu tư công tác tin học hóa trong công tác quản lý. Điều này nhằm để tăng khả năng cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong ngành dịch vụ công ích, dẫn đến chi phí hoạt động của công ty tăng lên.





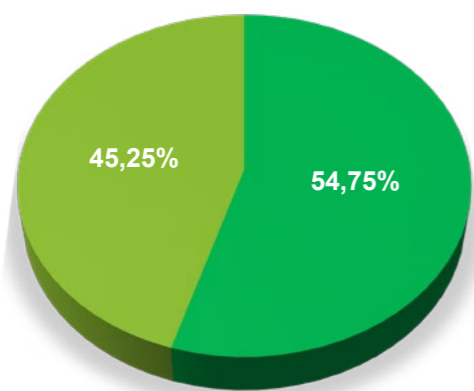
## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	2021/2020
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>86.553.837.719</b>	<b>99.217.054.427</b>	<b>114,63%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.608.790.778	23.637.949.191	96,05%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.860.109.971	12.359.266.200	96,11%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	45.910.259.579	57.957.988.774	126,24%
4	Hàng tồn kho	1.605.703.274	2.311.078.839	143,93%
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>71.538.162.200</b>	<b>57.874.042.980</b>	<b>80,90%</b>
1	Tài sản cố định	58.684.405.129	48.306.244.547	82,32%
2	Tài sản dài hạn khác	9.218.091.796	5.968.073.864	64,74%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>158.091.999.919</b>	<b>157.091.097.407</b>	<b>99,37%</b>

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	82.821.706.908	17.840.622.475	21,54%
Máy móc thiết bị	3.139.700.606	301.122.636	9,59%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	86.803.004.378	29.012.419.820	33,42%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.045.678.553	442.315.953	42,30%
<b>Cộng</b>	<b>173.810.090.445</b>	<b>47.596.480.884</b>	<b>27,38%</b>

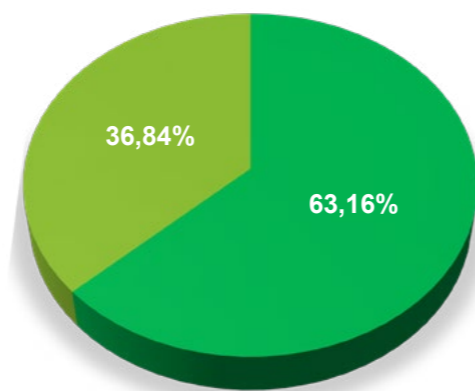
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy tính	841.520.000	709.763.663	84,34%

CƠ CẤU TÀI SẢN 2020



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

CƠ CẤU TÀI SẢN 2021



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tổng tài sản trong năm không quá thay đổi nhưng cơ cấu lại cho thấy sự dịch chuyển đáng kể. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu bởi sự khấu hao tài sản cố định hằng năm. Tài sản ngắn hạn lại gia tăng đáng kể, chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn. Nguyên nhân đến từ sự chậm thanh toán các hợp đồng của khách hàng. Chủ yếu là UBND các Quận, Huyện trong thành phố và Sở Tài nguyên Môi trường Đà Nẵng.

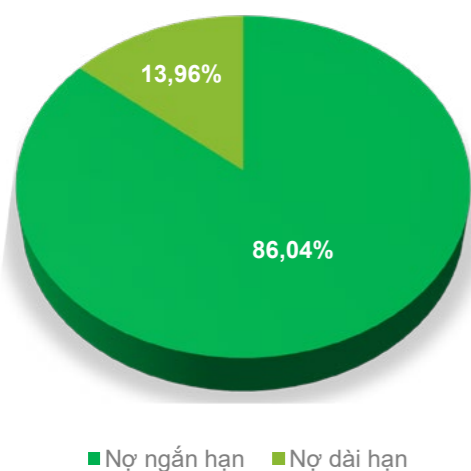




## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	2021/2020
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>82.836.223.690</b>	<b>69.313.529.068</b>	<b>83,68%</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	6.622.691.922	11.684.983.910	176,44%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	652.640.000	463.365.139	71,00%
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.993.226.663	5.251.234.091	105,17%
4	Phải trả người lao động	16.602.406.927	14.844.998.771	89,41%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	13.301.382.781	9.187.666.022	69,07%
6	Phải trả ngắn hạn khác	43.401.947.881	29.132.295.332	67,12%
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-2.738.072.484	-1.251.014.197	-
<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>11.243.034.813</b>	<b>-</b>
	Phải trả dài hạn khác	-	11.243.034.813	-
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>82.836.223.690</b>	<b>80.556.563.881</b>	<b>97,25%</b>

### CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ 2021



Cơ cấu nợ phải trả có sự thay đổi khi năm nay ghi nhận khoản Nợ dài hạn hơn 11,24 tỷ đồng trong khi năm 2020 không có khoản nợ dài hạn nào. Tác động chủ yếu đến sự thay đổi này là khoản nợ ngắn hạn với UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc cổ phần hóa cũng như giá trị tài sản được Ngân sách thành phố đầu tư phải trả lại cho UBND TP Đà Nẵng. Trong đó, nợ ngắn hạn UBND TP Đà Nẵng giảm đến 49,87%, từ 37,51 tỷ đồng năm trước xuống còn 18,81 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng giảm gần 18,71 tỷ đồng. Tuy nhiên, một phần lớn khoản nợ này, hơn 11,24 tỷ đồng, đã được chuyển thành nợ dài hạn. Đây cũng là lý do xuất hiện khoản nợ dài hạn của Công ty năm nay trong khi những năm gần đây không ghi nhận khoản nợ dài hạn nào.



### Về công tác nghiên cứu

Công tác nghiên cứu vẫn luôn được Công ty chú trọng, đẩy mạnh. Hiện nay, tốc độ thay đổi thị hiếu của người dân và tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh ở địa bàn hoạt động. Công ty đang trong quá trình cải tiến phương pháp xử lý rác từ chôn lấp sang chuyển hóa thành phân compost, có thể dùng để bón cho cây trồng. Đây là loại phân sạch, thân thiện với môi trường, có khả năng cải tạo đất. Hình thức xử lý này phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay, đồng thời mở ra một thị trường kinh doanh đầy tiềm năng cho Công ty.

### Về công tác quản lý

Công tác quản lý vẫn luôn được tiếp tục hoàn thiện. Công ty luôn có các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Xây dựng các quy định thang bảng lương sát với khả năng cụ thể của từng lao động và quy chế trả lương phải phù hợp, hướng đến đảm bảo công bằng và hiệu quả.

### Về nhân sự

Đời sống CBCNV trong Công ty được duy trì ổn định. Các khoản lương thưởng được chi trả đúng theo quy chế dành cho người lao động của Hội đồng quản trị ban hành. Gia tăng các buổi huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn của người lao động nhằm đảm bảo nguồn lực phát triển của Công ty. CBCNV sau khi được đào tạo đã áp dụng kiến thức mới rất thành công vào công việc hoạt động hằng ngày của Công ty.

### Về cơ cấu tổ chức

Ban điều hành liên tục triển khai đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo định kỳ, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.



STT	Nội dung	Đvt	2022	2023	2024	2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	277.960	289.251	280.772	300.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.110	11.627	13.371	15.376
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	21.373	22.519	21.787	22.787
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	9	9	11	11

### BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Công ty, giai đoạn 2021-2025 theo nguyên tắc dự báo rủi ro làm cơ sở định hướng, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm bám sát theo Kế hoạch trung và dài hạn đã đặt ra;
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty; cải tiến các quy trình, hình thức quản lý không còn phù hợp; xây dựng, điều chỉnh đơn giá, mô hình khoán, quy chế trả lương thưởng và các nội quy, quy chế khác của Công ty phù hợp theo các quy định Nhà nước ban hành, điều chỉnh mới;
- Tiếp tục thực hiện xây dựng đề án việc làm theo tiêu chí phát triển cả về chất và lượng, tăng cường công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và ý thức trách nhiệm của người lao động;
- Tiến tới thực hiện giao khoán toàn bộ các Xí nghiệp dịch vụ môi trường và kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng công nghệ;
- Đẩy mạnh nghiên cứu thực hiện cơ giới hóa phương tiện thu gom, vận chuyển rác tiến đến giảm dần các công việc thực hiện bằng hình thức thủ công, giảm số lượng lao động trực tiếp;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoàn thiện và nâng cấp phần mềm kế toán, quản lý thu;
- Tiếp tục tập trung phát triển các hoạt động sản xuất mà Công ty đang có lợi thế như: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường, xử lý phân bùn bể phốt; đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh như: phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ vệ sinh thu gom rác, chế phẩm sinh học xử lý môi trường.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng;

Căn cứ Báo cáo tài chính phát hành ngày 30/03/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.

Theo Báo cáo Kiểm toán độc lập số 554/2022/BCKT-AAC ngày 30/03/2022 về nội dung cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, về vấn đề này Công ty giải thích ý kiến ngoại trừ như sau:

1. Khoản chi phí phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.170.000.000 đồng hiện đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục “Phải thu khác” nhưng chưa xác định được cụ thể đối tượng thu hồi.

Đối với khoản phạt vi phạm hành chính 1.170.000.000 đồng, đây là khoản tiền phạt hành vi vi phạm do sự kiện bất khả kháng và chưa xác định được đối tượng chịu trách nhiệm cụ thể. Công ty hạch toán vào khoản mục “Phải thu khác”. Công ty đã trình HĐQT xem xét trách nhiệm của các cá nhân tập thể liên quan để xác định đối tượng chịu trách nhiệm và sẽ hạch toán lại theo đúng chuẩn mực kế toán.

2. Quỹ tiền lương năm 2021 đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2021 là 106.658.264.203 đồng. Theo quy định tại quy chế trả lương của Công ty và quy định về tiền lương đối với công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước, thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương là Hội đồng quản trị, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, quỹ tiền lương năm 2021 này chưa được các đơn vị có thẩm quyền thông qua.

Vấn đề này, Công ty sẽ sớm trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố để phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 và Công ty sẽ điều chỉnh sau khi có quyết định phê duyệt của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố.



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

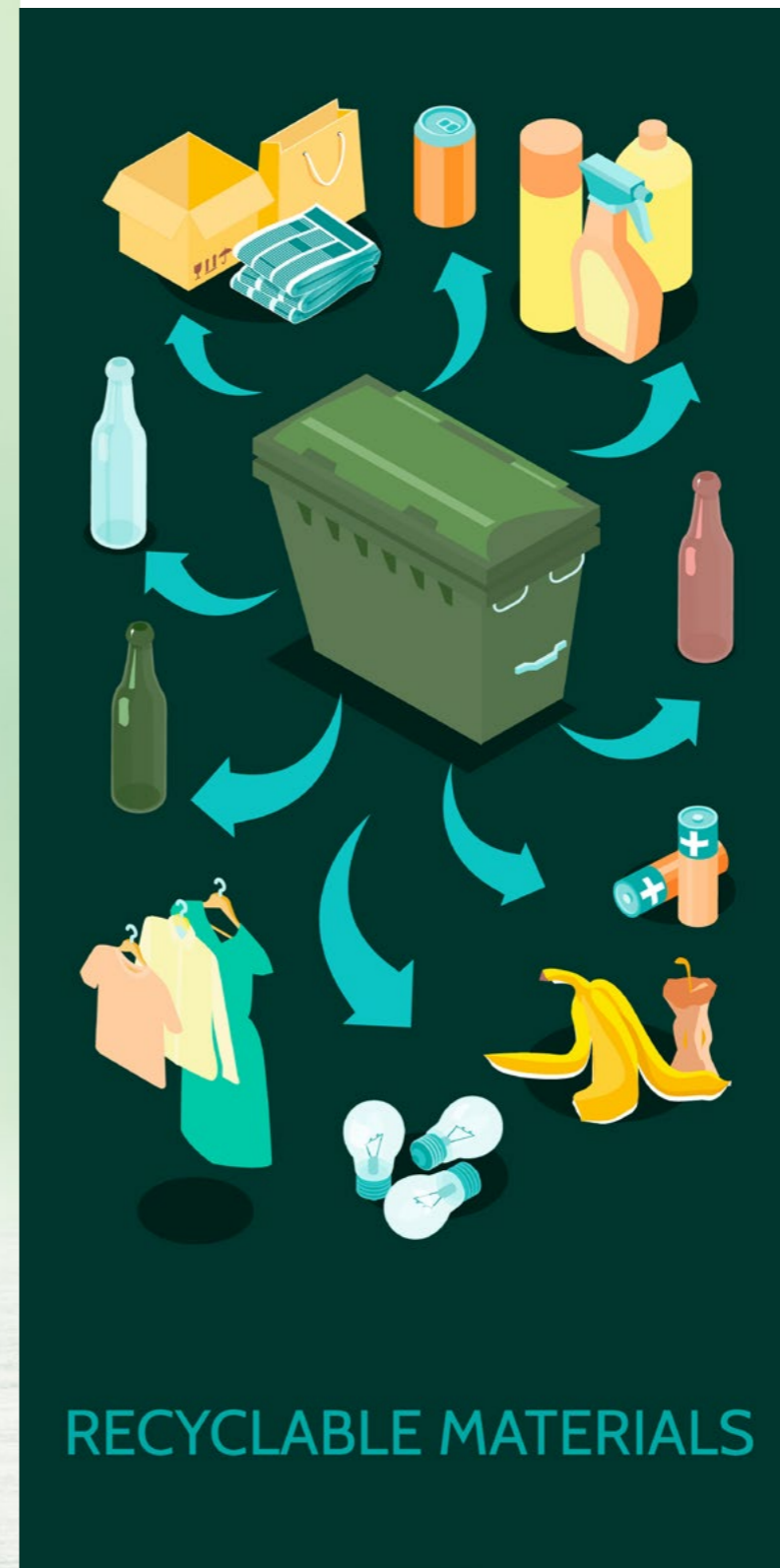
Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường đô thị, DNE luôn hiểu rõ tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường. Bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong mọi phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm. Trong các cuộc họp, Ban Điều hành thường có những thảo luận liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, những đề xuất để tối ưu hóa công tác kinh doanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, năng lượng... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng để từng người lao động và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty nhận thức con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định và tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như: Thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện... nhằm giúp đỡ cộng đồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững.





- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD công ty
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**IV**

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết thúc năm 2021, đại dịch Covid-19 gây nhiều tác động tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Tuy nhiên, với những định hướng đúng đắn, điều hành linh hoạt và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ - công nhân viên, Hội đồng quản trị, DNE đã đạt được những kết quả nhất định, Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua: ....

Là một doanh nghiệp thuộc lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về tác động môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức họp bất thường và thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau để cùng thảo luận và quyết định những yêu cầu, nội dung quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện các hoạt động của Ban Kiểm soát, giúp hoạt động của Công ty ngày càng hiệu quả theo quy định của Pháp luật.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, theo dõi công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT về các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ của Công ty. Cụ thể như sau:

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên được: UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận, huyện giao về phục vụ vệ sinh môi trường đô thị, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của Công ty;
- Công tác chăm lo đời sống, thu nhập cho Người lao động;
- Tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên và bất thường của Công ty năm 2021;
- Giám sát, chỉ đạo các nội dung công việc nhằm đảm bảo Ban TGD theo sát, hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 được Đại hội cổ đông thông qua bằng Nghị quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2021;
- Theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban TGD thực hiện các công việc theo nội dung Nghị quyết, Quyết định và Thông báo của HĐQT ban hành;
- Thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị trên cơ sở nhu cầu công tác cán bộ và tình hình hoạt động sản xuất của Công ty;
- Xây dựng, điều chỉnh các Quy chế để Ban TGD căn cứ làm cơ sở thực hiện (Quy chế Thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Quy chế công bố thông tin);
- Ban hành định mức, đơn giá “Công tác quét, thu gom và trung chuyển rác đến điểm tập kết tại các chợ” áp dụng nội bộ Công ty; đơn giá “Vật tư, thiết bị nhằm phục vụ thay thế, sửa chữa thường xuyên đối với phương tiện vận chuyển của Công ty”; đơn giá nhân công, định mức nhiên liệu các xe phục vụ cơ giới hóa thu gom rác thải sinh hoạt;
- Ban hành Tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chuyên ngành đào tạo nhằm thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, tinh giảm lao động gián tiếp của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng;
- Giám sát, chỉ đạo Ban TGD thực hiện lập các báo cáo định kỳ, bất thường và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát Ban TGD trong việc chấp hành và tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty;
- Chủ tịch HĐQT tham gia dự họp giao ban định kỳ cùng Ban TGD giám sát, đồng thời tham gia chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty;
- HĐQT thảo luận, thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty bằng Nghị quyết sau mỗi kỳ họp HĐQT hoặc tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành Quyết định, Thông báo làm cơ sở Ban TGD tổ chức triển khai thực hiện.



- Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động vệ sinh môi trường tại thành phố Đà Nẵng.
- Thực hiện đầu tư thay thế các phương tiện vận chuyển rác thải hiện có của Công ty, thay thế từng bước các xe có niên hạn sử dụng từ 12-15 năm trở lên cộng với bổ sung thêm phương tiện để đáp ứng lượng rác phát sinh trên địa bàn thành phố và phương án cơ giới hóa hoạt động thu gom rác theo yêu cầu của UBND thành phố.
- Đối với các khoản nợ phải thu: Công ty đang thực hiện việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng như: thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với hộ dân, doanh nghiệp; hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị đối với UBND các quận, huyện; đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển đối với Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng; chi phí đặt hàng xử lý chất thải rắn đô thị (rác thải) tại bãi rác Khánh Sơn đối với Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Đối với các khoản nợ phải trả: gồm các khoản nợ phải trả nhà cung cấp nhiên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phải trả UBND thành phố phần giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư; Công ty sẽ thanh toán đầy đủ và đúng thời gian.





- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát

**QUẢN TRỊ  
CÔNG TY**

**V**





## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	
			Cá nhân	Đại diện (*)	Cá nhân	Đại diện (*)
1	<b>Ông Phạm Thanh Phúc</b>	Chủ tịch HĐQT	-	981.512	-	17,000%
2	<b>Ông Võ Minh Đức</b>	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	3.900	981.512	0,068%	17,000%
3	<b>Ông Nguyễn Văn Tuấn(**)</b>	Thành viên HĐQT không điều hành	391.406	-	6,780%	-
4	<b>Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu</b>	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	3.300	981.512	0,057%	17,000%
5	<b>Ông Phan Công Tư</b>	Thành viên HĐQT không điều hành	2.500	-	0,043%	-

(\*): Số cổ phần đại diện trên là của UBND Thành phố Đà Nẵng. Tổng lượng cổ phần sở hữu của UBND Thành phố Đà Nẵng tại Công ty là 2.944.536 cổ phần, tương đương 51,000% VDL.

(\*\*): Ông Nguyễn Văn Tuấn hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Môi trường Việt Nam. Lượng cổ phần sở hữu của CTCP Môi trường Việt Nam tại Công ty là 771.987 cổ phần, tương đương 13,370% VDL.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
<b>I Nhiệm kỳ 2015 - 2020</b>					
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	2/2	100%	
3	Ông Phạm Quang Sáng	Thành viên HĐQT	2/2	100%	Miễn nhiệm ngày 11/06/2021
4	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT không điều hành	2/2	100%	Miễn nhiệm ngày 11/06/2021
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	2/2	100%	
<b>II Nhiệm kỳ 2021 - 2025</b>					
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
4	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	3/3	100%	

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 đã tổ chức 02 cuộc họp thảo luận, xem xét các vấn đề có liên quan đến tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ngày 11/6/2021, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 và đồng thời các thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới đã tổ chức phiên họp đầu tiên, thống nhất bầu ông Phạm Thanh Phúc - thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT, đồng thời bổ nhiệm ông Võ Minh Đức - thành viên HĐQT giữ chức Tổng Giám đốc, bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu - thành viên HĐQT giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
- Trong 6 tháng cuối năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 đã tổ chức 02 cuộc họp HĐQT (tháng 6 và tháng 11/2021) nhằm triển khai, đánh giá các nội dung công việc theo Chương trình kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị năm 2021 và Nghị quyết số 08/NQ – ĐHCĐ ngày 11/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các công việc khác để Công ty triển khai thực hiện trong thời gian đến.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
<b>A Nghị quyết</b>				
1	01/NQ-HĐQT	29/01/2021	Về Phiên họp HĐQT ngày 29/01/2021	100%
2	05/NQ-DHĐCĐ	05/02/2021	(Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	80,36 %
3	02/NQ-HĐQT	02/03/2021	Về việc thời gian tổ chức Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2025	100%
4	03/NQ-HĐQT	20/04/2021	Về việc tạm hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	80%
5	04/NQ-HĐQT	26/04/2021	Về việc Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2021	80%
6	05/NQ-HĐQT	28/04/2021	Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%
7	06/NQ-HĐQT	29/04/2021	Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	80%
8	07/NQ-HĐQT	27/05/2021	Về Phiên họp HĐQT ngày 27/05/2021	100%
9	08/NQ-DHĐCĐ	11/06/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
10	09/NQ-DHĐCĐ	11/06/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	100%
11	10/NQ-HĐQT	11/06/2021	Về Phiên họp lần thứ nhất HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025	100%
12	11/NQ-HĐQT	30/06/2021	Về Phiên họp HĐQT ngày 30/6/2021	100%
13	12/NQ-HĐQT	30/06/2021	Về việc chi trả cổ tức năm 2020	100%
14	13/NQ-HĐQT	23/07/2021	Về việc Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2021	80%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	14/NQ-HĐQT	02/08/2021	Về việc thực hiện gói thầu “Thuê dịch vụ quét, thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt tại các chợ trực thuộc Công ty Quản lý và phát triển các chợ Đà Nẵng năm 2021	80%
16	15/NQ-HĐQT	05/10/2021	(Về phương án giao khoán sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty (quý 4 năm 2021)	100%
17	16/NQ-HĐQT	16/11/2021	Về phiên họp HĐQT ngày 15/11/2021.	100%
<b>B Quyết định</b>				
1	01/QĐ-HĐQT	22/01/2021	Về việc phê duyệt phương án, dự toán chi tiết thực hiện công trình Đầu tư nâng cấp mở rộng Khu xử lý CTNH Khánh Sơn. Hạng mục: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	80%
2	02/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Về việc phê duyệt dự toán và chỉ định thầu đơn vị cung cấp gói thầu Mua sắm mới thùng rác 660 lít phục vụ Tết Tân Sửu 2021	80%
3	03/QĐ-HĐQT	02/02/2021	Về việc phê duyệt quyết toán gói thầu Mua sắm mới 01 xe ô tô 07 chỗ	100%
4	04/QĐ-HĐQT	02/02/2021	Về việc phê duyệt giá trị dự toán và đơn vị thực hiện gói thầu: Tháo dỡ và phủ bạt nhựa HDPE các học rác tại Bãi rác Khánh Sơn	80%
5	06/QĐ-HĐQT	05/02/2021	Về việc phê duyệt giá trị dự toán và đơn vị thực hiện công trình: Thi công tuyến đường vận hành mới tại Bãi rác Khánh Sơn.	80%
6	07/QĐ-HĐQT	09/02/2021	Về việc phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện cung cấp gói thầu: Mua sắm sắm lớp phục vụ sản xuất Quý 1/2021 và Tết Nguyên đán 2021	80%
7	08/QĐ-HĐQT	09/02/2021	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí Quan trắc môi trường giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình xử lý lò đốt ST-200 và công trình xử lý nước thải tập trung khu xử lý CTNH Khánh Sơn trong quá trình vận hành thử nghiệm.	80%



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	09/QĐ-HĐQT	15/03/2021	Về việc ban hành định mức, đơn giá “Công tác quét, thu gom và trung chuyển rác đến điểm tập kết tại các Chợ”	80%
9	10/QĐ-HĐQT	15/03/2021	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô 07 chỗ	80%
10	11/QĐ-HĐQT	16/03/2021	Về việc phê duyệt lựa chọn và kinh phí thực hiện hạng mục Quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 tại Khu XLCT Khánh Sơn và các trạm trung chuyển.	80%
11	12/QĐ-HĐQT	25/03/2021	Về việc phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện Lập chuyên đề báo cáo ĐTM và hoạt động thẩm định ĐTM dự án đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý CTNH Khánh Sơn	80%
12	13/QĐ-HĐQT	25/03/2021	Về việc nâng bậc lương Phó TGD Công ty	100%
13	14/QĐ-HĐQT	16/04/2021	Về việc phê duyệt Giá trị dự toán, nguồn vốn và đơn vị tổ chức thực hiện Công trình: Xây dựng hệ thống phần mềm kế toán và phần mềm quản lý công tác thu.	100%
14	15/QĐ-HĐQT	26/06/2021	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Gói thầu: mua sắm 01 xe ô tô 07 chỗ	80%
15	16/QĐ-HĐQT	04/05/2021	Về việc phê duyệt giá trị thanh toán chi phí thuê xe tải ben, máy đào phục vụ xúc và vận chuyển rác thải tại các điểm tập kết tạm về Bãi rác Khánh Sơn trong đợt phục vụ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021.	80%
16	17/QĐ-HĐQT	26/05/2021	Về việc phê duyệt giá trị từ việc tháo dỡ, di dời vật tư và phế liệu thu hồi thuộc nhà cửa và vật kiến trúc thuộc Công trình Trạm bơm nước rửa thùng và Bãi đổ phế liệu thải VLXD phía Nam trạm XLNT Hòa Cường và phương thức thực hiện	80%
17	18/QĐ-HĐQT	27/05/2021	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	100%
18	19/QĐ-HĐQT	27/05/2021	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	20/QĐ-HĐQT	27/05/2021	Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	100%
20	21/QĐ-HĐQT	27/05/2021	Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	100%
21	22/QĐ-HĐQT	28/05/2021	Về thời gian, chương trình và thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2021.	100%
22	23/QĐ-HĐQT	11/06/2021	Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
23	24/QĐ-HĐQT	11/06/2021	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100%
24	25/QĐ-HĐQT	14/06/2021	Về việc giao nhiệm vụ Phụ trách Kế toán Công ty	100%
25	26/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Về việc phân công nhiệm vụ của HĐQT	100%
26	27/QĐ-HĐQT	05/07/2021	Về việc ban hành đơn giá vật tư, thiết bị nhằm phục vụ thay thế, sửa chữa thường xuyên đối với phương tiện	80%
27	28/QĐ-HĐQT	02/08/2021	Về việc ban hành Tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chuyên ngành đào tạo nhằm thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, tinh giảm lao động gián tiếp của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng	80%
28	29/QĐ-HĐQT	06/09/2021	Về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng, kỷ luật	80%
29	30/QĐ-HĐQT	04/11/2021	Ban hành Quy chế Công bố thông tin	80%
30	31/QĐ-HĐQT	04/11/2021	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Gói thầu: Tháo dỡ và phủ bạt nhựa HDPE các hộc rác tại Bãi rác Khánh Sơn	80%
31	32/QĐ-HĐQT	03/12/2021	Về việc ban hành đơn giá nhân công, định mức nhiên liệu các loại xe phục vụ cơ giới hóa thu gom rác thải sinh hoạt	80%
32	33/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thuê máy ủi và máy đầm nén rác	80%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
33	34/QĐ-HĐQT	08/12/2021	Về việc phê duyệt Dự trù mua sắm và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Gói thầu: Mua sắm bảo hộ lao động năm 2022	80%
34	35/QĐ-HĐQT	21/12/2021	Về việc phê duyệt kinh phí, nguồn vốn và đơn vị tổ chức thực hiện Công trình: Lập trình phần mềm trạm cân – Phần mềm quản lý điều vận phương tiện vận chuyển	80%
35	36/QĐ-HĐQT	23/12/2021	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu: Sửa chữa tàu thu gom rác ĐNa-0613	80%
36	37/QĐ-HĐQT	27/12/2021	Về việc phê duyệt Dự toán, Nguồn vốn và Đơn vị tổ chức thực hiện Gói thầu: Sửa chữa máy ủi D60-7	80%
37	38/QĐ-HĐQT	28/12/2021	Về việc phê duyệt Giá trị dự toán, Nguồn vốn và Đơn vị tổ chức thực hiện Gói thầu: Tháo dỡ và phủ bạt HDPE hộc rác số 1,3 tại bãi rác Khánh Sơn.	80%
38	39/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng).	80%

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Bà Võ Thị Mận</b>	Trưởng ban chuyên trách	2.900	0,05%
2	<b>Ông Thái Quốc Khánh</b>	BKS không chuyên trách	-	-
3	<b>Bà Lê Thị Hồng Thủy</b>	BKS không chuyên trách	-	-

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
<b>I Nhiệm kỳ 2015 - 2020</b>					
1	Bà Trương Thị Minh Huệ	Trưởng ban chuyên trách	2/2	100%	
2	Bà Đặng Thị Mỹ Hào	BKS không chuyên trách	2/2	100%	
3	Bà Lê Thị Vân Vy	BKS không chuyên trách	0/2	0%	Không liên lạc được, đã báo TV HĐQT của Cổ đông chiến lược
<b>II Nhiệm kỳ 2021 - 2025</b>					
1	Bà Võ Thị Mận	Trưởng ban chuyên trách	2/2	100%	
2	Ông Thái Quốc Khánh	BKS không chuyên trách	2/2	100%	
3	Bà Lê Thị Hồng Thủy	BKS không chuyên trách	2/2	100%	

Các thành viên trong ban kiểm soát được bổ nhiệm và miễn nhiệm các nhiệm kỳ tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 vào ngày 11/06/2021.

Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ trong năm 2021, lập kế hoạch và thực hiện giám sát kiểm tra theo kế hoạch.

Giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc điều hành. Kiểm tra các văn bản của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với Điều lệ, Quy chế hoạt động và các quy định khác của Pháp luật.

**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông**

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng quý tại trụ sở Công ty, thông qua các kỳ họp HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời. Tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT giữa các phiên họp đối với các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng qui định và Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, sự chỉ đạo của HĐQT và đúng quy định của pháp luật. Ban Giám đốc điều hành cần tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số định mức cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác**

- Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến các nội dung liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh: định mức công tác cơ giới hóa, xây dựng phương án khoán sản xuất kinh doanh các đơn vị trực thuộc.
- Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc kiểm tra, giám sát để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty.
- Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát.
- Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ, ... phục vụ cho công tác giám sát kiểm tra của Ban kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Lương, thưởng	332.690.909	335.970.000
2	Ông Võ Minh Đức	Lương, thưởng	312.000.000	313.170.000
3	Ông Phạm Quang Sáng	Lương, thưởng	260.545.455	290.370.000
4	Ông Trần Văn Tiên	Lương, thưởng	100.000.000	244.770.000
5	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Lương, thưởng	237.636.364	242.597.927
6	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Lương, thưởng	159.272.727	-
7	Ông Phạm Trung Thành	Thù lao HĐQT	24.672.727	71.970.000
8	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thù lao HĐQT	55.200.000	71.970.000
9	Ông Phan Công Tư	Thù lao HĐQT	30.527.273	-
10	Bà Trương Thị Minh Tuệ	Lương, thưởng	128.727.273	290.370.000
11	Bà Lê Thị Vân Vy	Thù lao BKS	24.672.727	64.200.000
12	Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thù lao BKS	24.672.727	71.970.000
13	Võ Thị Mận	Lương, thưởng	156.436.363	-
14	Thái Quốc Khánh	Thù lao BKS	30.527.273	-
15	Lê Thị Hồng Thùy	Thù lao BKS	30.527.273	-

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

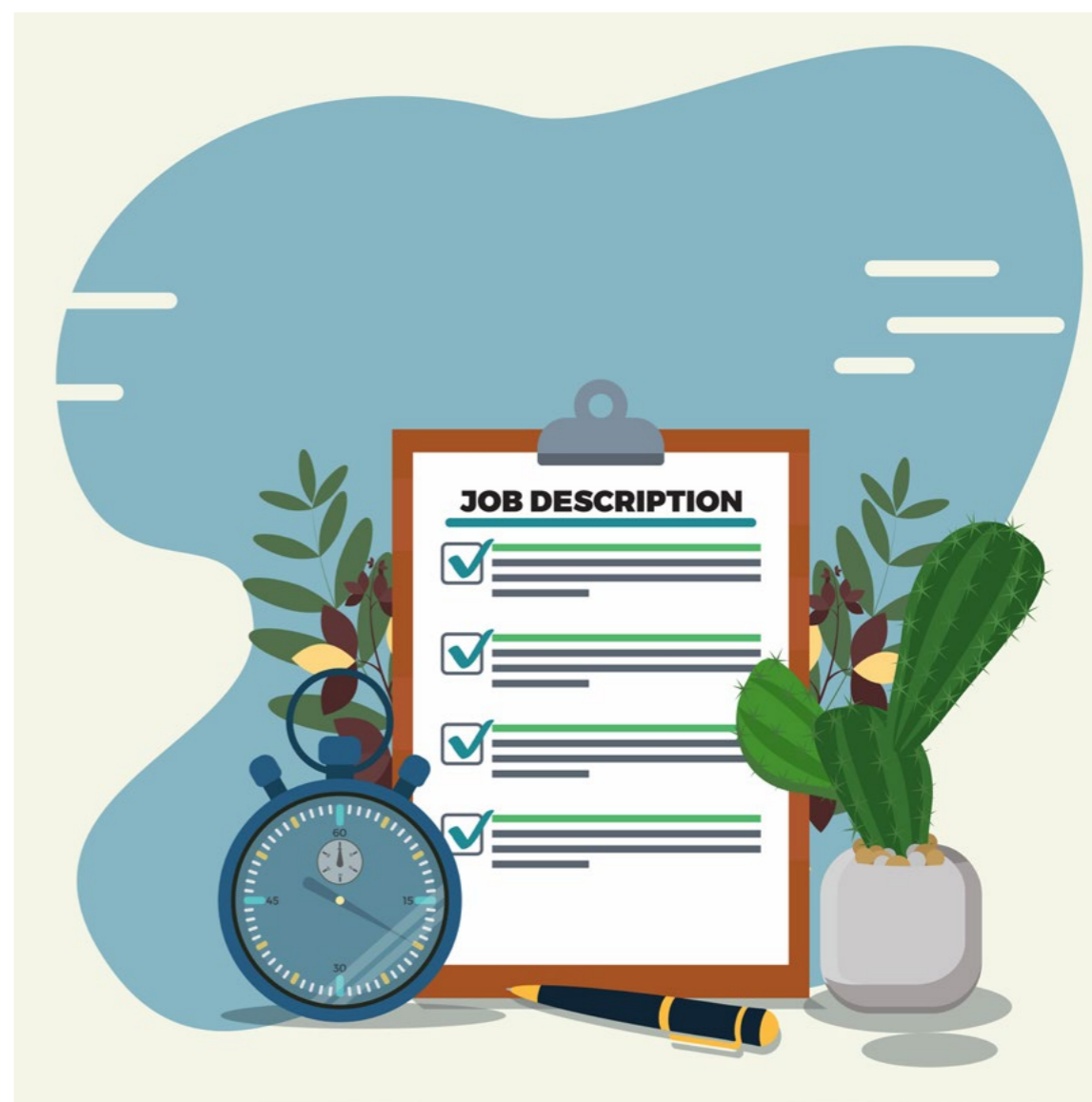
Không có

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.





**DNURENCO**

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2021

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021**

**VI**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2021: 57.736.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 13 đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư & Phát triển Kỹ nghệ Môi trường.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3622007
- Fax : (84) 0236.3642423
- Website: moitruongdothidanang.com.vn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2021 là 1.290 người. Trong đó viên chức quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Thanh Phúc | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Võ Minh Đức     | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |



### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu Thành viên Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Ông Phan Công Tư Thành viên Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Ông Phạm Trung Thành Thành viên Bổ nhiệm ngày 01/10/2015  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021
- Ông Phạm Quang Sáng Thành viên Bổ nhiệm ngày 10/12/2018  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021

#### Ban Kiểm soát

- Bà Võ Thị Mận Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Ông Thái Quốc Khánh Thành viên Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Bà Lê Thị Hồng Thủy Thành viên Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Bà Trương Thị Minh Tuệ Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 01/10/2015  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021
- Bà Lê Thị Vân Vy Thành viên Bổ nhiệm ngày 27/06/2019  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021
- Bà Đặng Thị Mỹ Hào Thành viên Bổ nhiệm ngày 01/10/2015  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021

#### Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

- Ông Võ Minh Đức Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 10/12/2018
- Ông Phạm Quang Sáng Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
- Ông Trần Văn Tiên Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
- Bà Võ Thị Huỳnh Trang Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
- Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
- Ông Diệp Nguyễn Thế Quang Phụ trách Kế toán Bổ nhiệm ngày 14/06/2021
- Bà Võ Thị Mận Phụ trách Kế toán Bổ nhiệm ngày 15/08/2019  
Miễn nhiệm ngày 11/06/2021

#### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Võ Minh Đức

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 554/2022/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2022 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại mục (ii) của Thuyết minh 9, chi phí phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.170.000.000 đồng hiện đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục “Phải thu khác” nhưng chưa xác định được cụ thể đối tượng thu hồi. Việc ghi nhận khoản phải thu nhưng không có đối tượng nợ cụ thể là chưa phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của các khoản phải thu nêu trên.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 17, quỹ tiền lương năm 2021 đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2021 là 106.658.264.203 đồng. Theo quy định tại Quy chế trả lương của Công ty và quy định về tiền lương đối với công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước, thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương là Hội đồng Quản trị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, quỹ lương năm 2021 này chưa được các đơn vị có thẩm quyền thông qua. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của tổng chi phí tiền lương đã phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2021 với số tiền nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác liên quan.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty có giá trị âm (tại ngày 31/12/2021 âm 1.251.014.197 đồng, tại ngày 01/01/2021 âm 2.738.072.484 đồng). Việc chi các quỹ vượt quá nguồn hiện có là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Phương Lan** - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Trần Xuân Quang** – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4492-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>99.217.054.427</b>	<b>86.553.837.719</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.637.949.191</b>	<b>24.608.790.778</b>
1. Tiền	111		14.637.949.191	14.608.790.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.359.266.200</b>	<b>12.860.109.971</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	12.359.266.200	12.860.109.971
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.957.988.774</b>	<b>45.910.259.579</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	50.083.880.940	33.869.433.212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	962.151.250	1.774.185.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	6.857.026.028	10.211.710.561
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.930.556	54.930.556
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.311.078.839</b>	<b>1.605.703.274</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.311.078.839	1.605.703.274
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.950.771.423</b>	<b>1.568.974.117</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	2.595.070.260	1.565.806.852
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	355.701.163	3.167.265
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.874.042.980</b>	<b>71.538.162.200</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.417.014.543</b>	<b>1.994.060.805</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.417.014.543	1.994.060.805
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.306.244.547</b>	<b>58.684.405.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	47.596.480.884	58.681.029.865
- Nguyên giá	222		173.810.090.445	175.385.096.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.213.609.561)	(116.704.066.857)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	709.763.663	3.375.264
- Nguyên giá	228		841.520.000	123.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.756.337)	(119.624.736)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.136.290.120</b>	<b>1.595.184.564</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.136.290.120	1.595.184.564
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.b	46.419.906	46.419.906
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.968.073.864</b>	<b>9.218.091.796</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	5.968.073.864	9.218.091.796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>157.091.097.407</b>	<b>158.091.999.919</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.556.563.881</b>	<b>82.836.223.690</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.313.529.068</b>	<b>82.836.223.690</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.684.983.910	6.622.691.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		463.365.139	652.640.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.251.234.091	4.993.226.663
4. Phải trả người lao động	314	17	14.844.998.771	16.602.406.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.187.666.022	13.301.382.781
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	29.132.295.332	43.401.947.881
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	(1.251.014.197)	(2.738.072.484)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.243.034.813</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	11.243.034.813	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.534.533.526</b>	<b>75.255.776.229</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>76.431.233.526</b>	<b>75.218.676.229</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	9.421.348.308	7.101.660.899
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	9.273.885.218	10.381.015.330
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.460.421.714)	(1.760.421.714)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.734.306.932	12.141.437.044
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>103.300.000</b>	<b>37.100.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	22	103.300.000	37.100.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>157.091.097.407</b>	<b>158.091.999.919</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Võ Minh Đức**  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2022

**Phụ trách kế toán**

**Diệp Nguyễn Thế Quang**

**Người lập biểu**

**Huỳnh Thị Xuân**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	254.578.699.126	259.599.857.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		254.578.699.126	259.599.857.377
4. Giá vốn hàng bán	11	25	230.219.930.294	234.092.887.909
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.358.768.832</b>	<b>25.506.969.468</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	944.803.270	1.123.121.252
7. Chi phí tài chính	22		7.500	38.500
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.019.227.548	13.195.936.850
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.284.337.054</b>	<b>13.434.115.370</b>
11. Thu nhập khác	31	28	505.781.764	922.054.607
12. Chi phí khác	32	29	728.230.173	503.236.083
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(222.448.409)</b>	<b>418.818.524</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.061.888.645</b>	<b>13.852.933.894</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.327.581.713	1.711.496.850
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>10.734.306.932</b>	<b>12.141.437.044</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.859	1.304
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.859	1.304

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Võ Minh Đức

Diệp Nguyễn Thế Quang

Huỳnh Thị Xuân

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>12.061.888.645</b>	<b>13.852.933.894</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12, 13	10.602.184.083	12.988.141.295
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26, 29	(505.701.657)	(1.809.462.808)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.158.371.071</b>	<b>25.031.612.381</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.012.899.099)	(16.737.905.831)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(705.375.565)	1.097.474.634
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.583.233.127)	5.273.207.923
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.220.754.524	5.246.724.742
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(1.594.000.000)	(1.450.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		364.550.000	328.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.425.481.348)	(3.336.129.676)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.422.686.456</b>	<b>15.452.984.173</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12, 13, 14	(2.891.977.060)	(11.327.024.801)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	740.268.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.965.038.175)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	500.843.771	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 26	1.064.918.417	1.048.691.325
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.326.214.872)</b>	<b>(11.503.103.650)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,21	(5.067.313.171)	(6.125.998.360)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.067.313.171)</b>	<b>(6.125.998.360)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(970.841.587)</b>	<b>(2.176.117.837)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	24.608.790.778	26.784.908.615
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	5	<b>23.637.949.191</b>	<b>24.608.790.778</b>

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Võ Minh Đức

Diệp Nguyễn Thế Quang

Huỳnh Thị Xuân

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyên giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 13 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số, gồm:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biên;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Kinh doanh và tư vấn công nghệ Môi trường.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 9

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	8

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: Áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	69.020.927	83.436.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.568.928.264	14.525.354.435
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	9.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.637.949.191</b>	<b>24.608.790.778</b>

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	12.359.266.200	12.359.266.200	12.860.109.971	12.860.109.971
<b>Cộng</b>	<b>12.359.266.200</b>	<b>12.359.266.200</b>	<b>12.860.109.971</b>	<b>12.860.109.971</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	46.419.906	46.419.906	46.419.906	46.419.906
<b>Cộng</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng	9.928.800.791	5.418.876.721
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	28.881.048.368	21.912.244.002
Các khách hàng dịch vụ	9.107.318.759	5.837.843.289
Các khách hàng công ích	2.166.713.022	700.469.200
<b>Cộng</b>	<b>50.083.880.940</b>	<b>33.869.433.212</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Thương mại Xây dựng vận tải Trí Đại Phát	-	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	148.500.000	67.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Thiên Phú	209.935.000	-
Các đối tượng khác	603.716.250	406.685.250
<b>Cộng</b>	<b>962.151.250</b>	<b>1.774.185.250</b>

**9. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	358.828.842	-	478.943.989	-
Tạm ứng	4.352.873.725	-	7.628.036.044	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	580.487.448	-	580.487.448	-
Tiền phạt vi phạm hành chính (ii)	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
Phải thu khác	394.836.013	-	354.243.080	-
<b>Cộng</b>	<b>6.857.026.028</b>	<b>-</b>	<b>10.211.710.561</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	1.417.014.543	-	1.994.060.805	-
<b>Cộng</b>	<b>1.417.014.543</b>	<b>-</b>	<b>1.994.060.805</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản phải thu các cá nhân có liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán năm 2016 tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và các khoản chi phí khoán dịch vụ năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng bị giảm trừ theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát.

(ii) Là khoản phạt vi phạm hành chính về môi trường. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có phương án xử lý và thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	413.491.044	-	284.776.346	-
Công cụ, dụng cụ	1.018.965.613	-	1.320.926.928	-
Chi phí SX, KD dở dang	878.622.182	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.311.078.839</b>	<b>-</b>	<b>1.605.703.274</b>	<b>-</b>

**11. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa	1.236.180.138	562.956.322
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.305.532.120	958.712.506
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê nhà đất, khoản khác	53.358.002	44.138.024
<b>Cộng</b>	<b>2.595.070.260</b>	<b>1.565.806.852</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa	3.406.681.836	5.771.432.169
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.346.766.468	1.791.672.836
Các khoản khác	1.214.625.560	1.654.986.791
<b>Cộng</b>	<b>5.968.073.864</b>	<b>9.218.091.796</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	85.491.931.639	3.139.700.606	85.791.785.924	961.678.553	175.385.096.722
Mua sắm trong năm	-	-	1.011.218.454	84.000.000	1.095.218.454
Đ/tr XDCB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	2.670.224.731	-	-	-	2.670.224.731
<b>Số cuối năm</b>	<b>82.821.706.908</b>	<b>3.139.700.606</b>	<b>86.803.004.378</b>	<b>1.045.678.553</b>	<b>173.810.090.445</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	61.354.147.795	2.628.699.542	52.309.824.686	411.394.834	116.704.066.857
Khấu hao trong năm	4.707.446.416	209.878.428	5.480.759.872	191.967.766	10.590.052.482
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	1.080.509.778	-	-	-	1.080.509.778
<b>Số cuối năm</b>	<b>64.981.084.433</b>	<b>2.838.577.970</b>	<b>57.790.584.558</b>	<b>603.362.600</b>	<b>126.213.609.561</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	24.137.783.844	511.001.064	33.481.961.238	550.283.719	58.681.029.865
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.840.622.475</b>	<b>301.122.636</b>	<b>29.012.419.820</b>	<b>442.315.953</b>	<b>47.596.480.884</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 51.192.691.726 đồng.

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Mua trong năm	718.520.000	718.520.000
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>841.520.000</b>	<b>841.520.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	119.624.736	119.624.736
Khấu hao trong năm	12.131.601	12.131.601
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>131.756.337</b>	<b>131.756.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	3.375.264	3.375.264
<b>Số cuối năm</b>	<b>709.763.663</b>	<b>709.763.663</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 123.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Hệ thống xử lý nước thải	786.602.728	786.602.728
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.349.687.392	808.581.836
<b>Cộng</b>	<b>2.136.290.120</b>	<b>1.595.184.564</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Xăng dầu khu vực V-TNHH Một Thành Viên	740.144.200	952.070.988
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng vận tải Tri Đại Phát	2.269.707.442	926.011.248
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - CN Miền Trung	4.451.109.580	608.643.454
Các đối tượng khác	4.224.022.688	4.135.966.232
<b>Cộng</b>	<b>11.684.983.910</b>	<b>6.622.691.922</b>

### 16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.793.334.557	17.876.134.269	17.339.489.305	-	4.329.979.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.043.685.532	1.331.766.502	1.594.000.000	-	781.452.034
Thuế thu nhập cá nhân	3.167.265	-	251.273.964	261.409.184	13.302.485	-
Thuế tài nguyên	-	446.400	3.636.000	3.522.800	-	559.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	812.100.575	1.154.499.253	342.398.678	-
Các loại thuế khác	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	155.760.174	43.710.138	60.227.376	-	139.242.936
<b>Cộng</b>	<b>3.167.265</b>	<b>4.993.226.663</b>	<b>20.334.621.448</b>	<b>20.429.147.918</b>	<b>355.701.163</b>	<b>5.251.234.091</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 17. Phải trả người lao động

Theo Văn bản số 43/UBND-SLĐTBHXH ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc xác định quỹ tiền lương người lao động, quỹ tiền lương thù lao người quản lý của Công ty CP Môi Trường Đô thị, thì Quỹ lương kế hoạch năm 2021 của Công ty được duyệt như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của người lao động	107.393.684.141 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	2.164.800.000 đồng
<b>Tổng</b>	<b>109.558.484.141 đồng</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện quỹ lương năm 2021, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người lao động	104.419.414.818 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	1.837.427.927 đồng
<b>Tổng</b>	<b>106.658.264.203 đồng</b>

Theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, Công ty được loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận khi xác định tiền lương của người lao động, tiền lương, thù lao của người quản lý công ty. Các yếu tố khách quan này được quy định tại Điều 7 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, di dời, thu hẹp địa điểm sản xuất... mà các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu Năng suất lao động và Lợi nhuận của Công ty.

Năm 2021 là năm có ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hiện tại số liệu quỹ lương thực hiện năm 2021 công ty chưa tính loại trừ các yếu tố khách quan. Công ty đang thực hiện rà soát, xác định lại quỹ tiền lương có ghi nhận ảnh hưởng của yếu tố khách quan để trình phê duyệt và bổ sung Quyết định Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện 2021 theo quy định.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	9.104.484.204	13.259.791.872
Các khoản trích trước khác	83.181.818	41.590.909
<b>Cộng</b>	<b>9.187.666.022</b>	<b>13.301.382.781</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	409.937.928	687.716.674
Phải trả về cổ phần hoá (*)	3.642.487.363	3.642.487.363
Cổ tức phải trả	176.509.027	336.262.198
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	18.805.520.652	37.513.816.115
Phải trả khác	6.097.840.362	1.221.665.531
<b>Cộng</b>	<b>29.132.295.332</b>	<b>43.401.947.881</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	11.243.034.813	-
<b>Cộng</b>	<b>11.243.034.813</b>	<b>-</b>

(\*) Là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số thực chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.825.897.614)	4.371.189.635	2.942.273.016	(1.396.980.995)
Quỹ thưởng Ban điều hành	87.825.130	243.000.000	184.858.332	145.966.798
<b>Cộng</b>	<b>(2.738.072.484)</b>	<b>4.614.189.635</b>	<b>3.127.131.348</b>	<b>(1.251.014.197)</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>5.379.520.366</b>	<b>9.968.765.170</b>	<b>73.084.285.536</b>
Tăng trong năm	-	1.722.140.533	12.141.437.044	13.863.577.577
Giảm trong năm	-	-	11.729.186.884	11.729.186.884
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>7.101.660.899</b>	<b>10.381.015.330</b>	<b>75.218.676.229</b>
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>7.101.660.899</b>	<b>10.381.015.330</b>	<b>75.218.676.229</b>
Tăng trong năm	-	2.319.687.409	10.734.306.932	13.053.994.341
Giảm trong năm	-	-	11.841.437.044	11.841.437.044
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>9.421.348.308</b>	<b>9.273.885.218</b>	<b>76.431.233.526</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Các cổ đông khác	16.656.710.000	16.656.710.000
<b>Cộng</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>57.736.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	10.381.015.330	9.968.765.170
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	10.734.306.932	12.141.437.044
Phân phối lợi nhuận	11.841.437.044	11.729.186.884
- Phân phối lợi nhuận năm trước	11.841.437.044	11.729.186.884
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.319.687.409	1.722.140.533
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	243.000.000	248.250.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.371.189.635	3.407.836.351
+ Chia cổ tức	4.907.560.000	6.350.960.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>9.273.885.218</b>	<b>10.381.015.330</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2021.

**e. Cổ tức**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2021 của Công ty, cổ tức năm 2020 được trả bằng tiền với tỷ lệ 8,5% vốn điều lệ. Theo đó, ngày 01/07/2021, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức bằng tiền vào ngày 30/07/2021 và thời gian thực hiện ngày 30/08/2021.

**22. Nguồn kinh phí**

	31/12/2021	01/01/2021
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	37.100.000	9.900.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	364.550.000	328.000.000
Chi sự nghiệp	298.350.000	300.800.000
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>103.300.000</b>	<b>37.100.000</b>

**23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Tên tài sản	Số lượng
Công trình Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn	1
Nhà vệ sinh đông cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh góc đường Yên Bái và Nguyễn Thái Học	1
Nhà vệ sinh Công viên Bạch Đằng Đông	1
Nhà vệ sinh Trung tâm Hội chợ triển lãm	1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	85.389.683.649	95.595.151.891
Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	128.849.301.546	123.579.439.321
Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn...	40.269.895.746	40.237.370.710
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	69.818.185	187.895.455
<b>Cộng</b>	<b>254.578.699.126</b>	<b>259.599.857.377</b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	230.174.437.079	233.984.536.668
Giá vốn của hàng hóa đã bán	45.493.215	108.351.241
<b>Cộng</b>	<b>230.219.930.294</b>	<b>234.092.887.909</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	944.803.270	1.123.121.252
<b>Cộng</b>	<b>944.803.270</b>	<b>1.123.121.252</b>

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	6.625.866.209	6.985.216.639
Chi phí vật liệu quản lý	402.754.596	255.171.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	453.978.227	289.435.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.846.838	299.689.856
Thuế, phí và lệ phí	459.132.719	1.157.329.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.137.486.195	3.284.890.972
Chi phí bằng tiền khác	634.162.764	924.202.071
<b>Cộng</b>	<b>13.019.227.548</b>	<b>13.195.936.850</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. Thu nhập khác**

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	686.341.556
Tiền thanh lý công cụ dụng cụ	139.130.000	62.385.455
Bán hồ sơ mời thầu		5.999.996
Thu tiền bồi thường tổn thất	366.651.764	98.756.000
Các khoản khác		68.571.600
<b>Cộng</b>	<b>505.781.764</b>	<b>922.054.607</b>

**29. Chi phí khác**

	Năm 2021	Năm 2020
Lỗ hoàn trả mặt bằng trạm trung chuyển rác thải Lê Thanh Nghị	439.101.613	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	15.150.695
Chi phí khắc phục tổn thất	216.620.249	-
Chi phí khác	72.508.311	488.085.388
<b>Cộng</b>	<b>728.230.173</b>	<b>503.236.083</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.061.888.645	13.852.933.894
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	11.390.993.427	11.998.607.731
- Từ hoạt động khác	670.895.218	1.854.326.163
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	584.881.155	1.407.708.441
- Điều chỉnh tăng	584.881.155	1.407.708.441
+ Phạt vi phạm hành chính	33.503.291	15.150.695
+ Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	220.800.000	220.800.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	330.577.864	1.171.757.746
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.646.769.800	15.260.642.335
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	11.975.874.582	13.406.316.172
- Từ hoạt động khác	670.895.218	1.854.326.163
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.327.581.713</b>	<b>1.711.496.850</b>

**Trong đó:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.331.766.502	1.711.496.850
- Chi phí thuế TNDN truy thu của Xi nghiệp dịch vụ môi trường	(4.184.789)	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.734.306.932	12.141.437.044
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(4.614.189.635)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	4.614.189.635
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.734.306.932	7.527.247.409
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.773.600	5.773.600
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.859</b>	<b>1.304</b>

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được điều chỉnh do tính trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích năm 2020 là 4.614.189.635 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 11/06/2021.
- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

**32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.975.521.959	34.882.973.692
Chi phí nhân công	135.500.086.210	138.116.011.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.602.184.083	12.988.141.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.057.850.764	57.313.695.056
Chi phí khác bằng tiền	2.058.021.611	3.879.651.938
<b>Cộng</b>	<b>243.193.664.627</b>	<b>247.180.473.518</b>

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và trong khu vực địa lý chủ yếu là thành phố Đà Nẵng.

**34. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ cũng như không sử dụng nguồn vốn vay nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

**Quản lý rủi ro về giá**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí nhân công và các chi phí vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác. Đối với chi phí nhân công, Công ty xây dựng quỹ tiền lương theo qui định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 áp dụng cho các Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Đối với vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác, Công ty tham khảo giá của nhiều nhà cung cấp để đảm bảo giá mua là hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty đến từ số đông người dân, doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng dịch vụ, do tính thiết yếu của dịch vụ nên tiền dịch vụ các khách hàng này được thanh toán kịp thời, đầy đủ; Các khách hàng là Cơ quan nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gói đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra đối với các khách hàng khác (thu gom chất thải công nghiệp, xử lý bùn,...), Công ty thường tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính, có hợp đồng ràng buộc chặt chẽ về tiến độ thanh toán gắn với khối lượng công việc thực hiện; luôn theo dõi, đối chiếu thông tin về công nợ để kịp thời đôn đốc, triển khai các biện pháp thu nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.684.983.910	-	11.684.983.910
Chi phí phải trả	9.187.666.022	-	9.187.666.022
Phải trả khác	6.274.349.389	-	6.274.349.389
<b>Cộng</b>	<b>27.146.999.321</b>	<b>-</b>	<b>27.146.999.321</b>
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.622.691.922	-	6.622.691.922
Chi phí phải trả	13.301.382.781	-	13.301.382.781
Phải trả khác	1.557.927.729	-	1.557.927.729
<b>Cộng</b>	<b>21.482.002.432</b>	<b>-</b>	<b>21.482.002.432</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.637.949.191	-	23.637.949.191
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.359.266.200	46.419.906	12.405.686.106
Phải thu khách hàng	50.083.880.940	-	50.083.880.940
Phải thu khác	753.664.855	-	753.664.855
<b>Cộng</b>	<b>86.834.761.186</b>	<b>46.419.906</b>	<b>86.881.181.092</b>
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.608.790.778	-	24.608.790.778
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.860.109.971	46.419.906	12.906.529.877
Phải thu khách hàng	33.869.433.212	-	33.869.433.212
Phải thu khác	827.784.508	-	827.784.508
<b>Cộng</b>	<b>72.166.118.469</b>	<b>46.419.906</b>	<b>72.212.538.375</b>

**35. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Cổ đông lớn

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong niên độ kế toán**

Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành) Thu gom rác theo đơn đặt hàng	128.849.301.546	123.579.439.321

**c. Số dư với các bên liên quan**

Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng Phải thu khách hàng	28.881.048.368	21.912.244.002
Phải trả khác	30.048.555.465	37.513.816.115

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
Ông Phạm Thanh Phúc	Lương, thưởng	332.690.909	335.970.000
Ông Võ Minh Đức	Lương, thưởng	312.000.000	313.170.000
Ông Phạm Quang Sáng	Lương, thưởng	260.545.455	290.370.000
Ông Trần Văn Tiên	Lương, thưởng	100.000.000	244.770.000
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Lương, thưởng	237.636.364	242.597.927
Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Lương, thưởng	159.272.727	-
Ông Phạm Trung Thành	Thù lao HĐQT	24.672.727	71.970.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thù lao HĐQT	55.200.000	71.970.000
Ông Phan Công Tư	Thù lao HĐQT	30.527.273	-
Bà Trương Thị Minh Tuệ	Lương, thưởng	128.727.273	290.370.000
Bà Lê Thị Vân Vy	Thù lao BKS	24.672.727	64.200.000
Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thù lao BKS	24.672.727	71.970.000
Võ Thị Mận	Lương, thưởng	156.436.363	-
Thái Quốc Khánh	Thù lao BKS	30.527.273	-
Lê Thị Hồng Thủy	Thù lao BKS	30.527.273	-

**36. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng (bên liên quan) với các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số	Diện tích đất thuê (m2)	Vị trí	Mục đích thuê	Giá thuê (đồng/m2/năm)	Phương thức nộp
46/HĐTD ngày 24/12/2012	2.123,7	469 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	140.868	Nộp tiền hằng năm
47/HĐTD ngày 24/12/2012	2.437,6	471 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	137.985	Nộp tiền hằng năm
06/HĐTD ngày 15/06/2020	783,2	Đường Trần Nhân Tông, Sơn Trà, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Sơn Trà	312.720	Nộp tiền hằng năm
05/HĐTD ngày 15/06/2020	249,9	Đường Ấp Bắc, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Ngũ Hành Sơn	89.980	Nộp tiền hằng năm
04/HĐTD ngày 15/06/2020	201,4	Đường Trà Na 2, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Liên Chiểu	62.280	Nộp tiền hằng năm
03/HĐTD ngày 15/06/2020	81,0	Đường Đinh Núp, Thanh Khê, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Thanh Khê	171.340	Nộp tiền hằng năm
02/HĐTD ngày 15/06/2020	44,7	Đường Bạch Đằng, Hải Châu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Hải Châu	4.742.400	Nộp tiền hằng năm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 37. Sự kiện trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn đại dịch như hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành với mục tiêu kép “vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch” để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

### 38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 39. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Võ Minh Đức

Diệp Nguyễn Thế Quang

Huỳnh Thị Xuân

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2022

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Võ Minh Đức






## Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

 Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

 Điện thoại: (0236) 3622 007

 Website: [www.moitruongdothidanang.com.vn](http://www.moitruongdothidanang.com.vn)